

DEPOT LEGAL
• INDOCHINE •
N° 11647



QUAN ĐÓ-ĐỐC DECOUX
ĐI THAM CÔNG VIỆC DỰNG XƯƠNG

CUỘC ÂU-CHIẾN CÓ THỂ KẾT LIỆU

TRONG NĂM 1940 CHẴNG ?



Những cái bầy mặc lưng tròng trời

Đi cạnh những cái xa-hoa trắng lợt của thành-phố Hanoi, có một bọn trẻ con — nhớn lắm thì độ 14, 15 mà bé nhất thì 7, 8 tuổi — cứ mùa sâu đến là từ những cái hang bí mật, nấp của Hanoi, chúng kéo nhau ra là đường... Những cái xa-hoa trắng-lợt như chọc vào mắt chúng, chúng không thêm nhìn. Chúng mãi nhìn những đám mây xanh trắng lơ lửng bay trên vòm trời.

Những phố đông đúc và vui chơi, chúng không thêm bước chân tới. Chúng còn mãi mê với bóng mát lá xanh của những cây cổ-thụ mình mềch thích như da trần.

Hanoi có những rừng sâu. Những rừng sâu liên sản ra cho Hanoi một bọn thi-sĩ l-ôn. Bọn thi-sĩ l-ôn ấy đến với sao trong mùa sâu chín.

Nhưng bọn thi-sĩ ấy đến với hanoi không phải để tìm tổ cho thơ mà là để tìm... ý cho lòng!

Tao đòi quái!

Phục sinh mây, cơn ở trên kia kia!

Thằng lớn quai cho thằng nhỏ một cái vạt sườn... rồi chỉ tay lên những cành chiu quẻ.

Nhưng tao run chân rồi. Mà giờ này là giờ đòi xấp tay đi.

Thế cơ-đứng được ra đây thì nó khoi đơm à P Á á, bụng muốn ăn, mà cùn lại không muốn trèo! Mày định chờ tao phải đứng còm đến tận miệng của mày nha?

Mây họ tao đi, chứ tao trèo mãi một lần rồi từ trưa hôm qua đến giờ, tao đã có hết náo vào bụng, đầu.

Thì thế lại càng cần phải trèo

«dầu» lên. Mây nhẹ, mây treo lên những cành nhỏ kia mới lấy được nhiều. Chứ tao nặng thế này, trèo lên để cho nó gây cha nó xuống à? Gây ch n, lòi ruột để cho mày no bụng? Tao có phải là thằng ngốc đâu. Thời, mây đã không muốn trèo thì cứ... đứng ăn. Tao có bắt buộc mà phải ăn đâu.

Thằng nhớn nói xong làm đôi đôi quai đi. Thằng bé mếu máo chạy theo năm lại:

— Thế mày nhìn lỉnh «cô-lit» họ tao vậy?

Thằng lớn quay lại

—Ừ, thế thì biết điếm lằm. Có một lần nữa đi. Chạy hết cả ở trên những cành ngon kia kia. Tao đem bán cho bà Cả chợ Đồng xuân, ít ra cũng được một hào. Chẳng những con ăn thả cựa, lại còn xáo trâu nữa. Nếu tao trèo mà không sợ cảnh gây thì tao trèo ngay. Mày bé không sao. Thôi cứ đi, thật thật chặt hai ống quần lại, không sao rớt, đập cái thì chẳng mà nào nó mua nữa đây

Ngày hôm sau, một vài ông béo nục, ngồi l'ước bàn ăn là liệt những món ăn thịnh soạn, uôi oải cầm tờ báo, uôi oải đọc cái tin thời sự ở mục Hanoi «Hôm qua, hồi bốn giờ chiều, tại đường Carnot có một thằng bé con trèo sâu bị ngã gãy một chân. Nhà chức-trách đã cho ngay xe Honda-thấp-tự trở vào nhà thương. Bệnh tình trầm trọng»

Ông béo nục buong tờ báo, nhìn vào đĩa sáo bóc khoi, nói một cách tin-tưởng với vợ con:

—Ai bảo đi trèo sâu thì đừng gây chân à? Báng kiếp!

Cái mục thời-sự văn tất ấy, mấy ai

đã hiểu thấu cái nghĩa thâm và sâu xa của nó và mấy ai đã hình-dung được tất cả những đoạn đường cơ cực nó đã đưa lũ trẻ vô cô kia từ đầu đến gốc cây sâu.

Trên cảnh sâu cao chót vót, những... bát cơm cheo lơ lửng như một sự khêu-khích. Nhưng (trong không-khí, cùn) lơ vờn những tai nạn vô đầu, lòi ruột.

Đứa trẻ đôi lông chít nhin thấy, những bát cơm. Hồi liệu với tai-nạn.

Nếu ta nắm những đứa trẻ ấy lại, rồi ta ôn-lên hồi lai-lịch chúng, thì sáu phân mười độ không biết cha mẹ và quê quán ở đâu.

Chúng từ đâu mọc ra, từ đâu mà đến đây, chúng sinh sống bằng gì, chúng dùng... thì gì thế nào, ngày mai chúng định làm gì?

Chính chúng cũng không biết. Mà giờ cùng lại không biết nốt.

Nhưng có một điều mà ai cũng có thể biết là chúng đều mang dấu-nhiệm của Nghèo-nàn. Áo quần bao giờ cũng nâu cò lóng còng, một bao giờ cũng học hạc và xanh bung như lá mùng tơi.

Về bắt cứ lúc nào, ta hỏi chúng: «Bà ăn chưa?», chúng đều lắc đầu. Vì thế cho nên cứ mùa sâu đến, ta thấy chúng lang thang vờ vào ở dưới gốc cây như những thi-sĩ đang đi tìm văn.

Hanoi có những rừng sâu. Những rừng sâu sâu chỉ, rừng sâu cho Hanoi một bọn thi-sĩ l-ôn.

Bọn thi-sĩ l-ôn ấy đến với Hanoi trong mùa sâu chín, nhưng đến không phải để tìm tổ cho thơ, mà là để tìm... ý cho lòng!

Và lảng-lạc cho thân!

Lê văn-Trương

Sau một hồi ử oải để cho đôi bên đường-sợc, cuộc Âu-chiến lại mới bước vào một thời kỳ kịch-liệt khác, đó là thời kỳ quyết liệt giữa Anh và Đức, Ý. Thời kỳ này ta có thể cho là thời kỳ dữ dội nhất, quan hệ nhất vì kết quả cuộc tranh đấu giữa đế-quốc Anh và hai nước đợc-tài Đức, Ý có thể coi là kết quả cuối cùng của cuộc Âu chiến này.

Cứ theo những tin tức trong hai tuần lễ này thì ta có thể nói là cuộc đại tấn công của phe đợc tài trong trục Bá-linh, La-mã sang các đảo Anh-cát-lợi và các thuộc địa Anh ở Đông phi đã bắt đầu. Từ hôm 8 aout đến nay Anh quốc là cái đích cho hàng ngàn chiếc phi-cơ Đức đã từng lớp một như những làn sóng dữ dội hàng ngày bay qua bờ Manche, đội hàng tấn bom xuống các cửa bể, các thành thị của nước Anh. Trận đánh phá lớn lao và dữ dội nhất của phi-quân dưới quyền thông-chế Göring từ trước đến nay trên đất Anh có lẽ là cuộc đánh phá vùng Luân-dôn và lân cận như trường bay C oydon cùng các miền ở cửa sông Tamise xảy ra hôm 15 aout. Theo một tin Mỹ gửi đến cho hãng «Transocean» của Đức về tin hãng Domec của Nhật thì có từ 2.000 đến 2.500 vira phi-cơ phóng pháo vira phi-cơ khu-trục Đức bay đến đánh các miền trọng yếu nhất trong nước Anh. Các phi-cơ Đức chia làm nhiều đoàn liên tiếp đánh phá không ngớt. Nhiều phi-cơ Đức bay thấp chỉ cách mặt đất độ 50 thước để bắn cho dễ trúng đích, giữa lúc đó thì các phi-cơ khu-trục đánh nhau với phi-cơ Anh và tiếp đó lại có các phi-cơ phóng pháo bay là xuống để ném bom. Tất cả các nhà quan sát về quân sự đều công nhận đó là cuộc không chiến lớn nhất từ xưa đến nay chưa từng có và so với cuộc không chiến này thì những cuộc không chiến khác ở Tây-ban-nha trước kia và ở Bắc Phi gần đây thực không thấm vào đâu chẳng khác những trò chơi của trẻ con.

Về sự thiệt hại trong trận không chiến này thì mỗi tin nói mỗi khác ta không biết đâu là sự thực. Tin Đức, Ý thì nói nhiều cơ quan quân sự, nhiều xưởng chế tạo binh khí và nhiều nhà cửa ở Luân-dôn bị trúng bom, tan nát hoặc phát hỏa, còn tin Anh thì lại nói là các cơ quan quân sự không bị thiệt hại gì mấy chỉ một ít nhà cửa bị cháy và một số người chết và bị thương. Anh lại nói là trong ngày hôm đó có đến 163 phi-cơ Đức bị hạ, Anh cũng bị hạ 27 chiếc. Ngoài ra, theo tin Anh, chỉ trong hai ngày mà Đức bị hạ đến 225 chiếc phi-cơ, còn kể từ 8 aout là ngày mà phi-cơ Đức luôn luôn sang đánh phá Anh cho đến 16 aout tất cả đã có 552 chiếc bị hạ và độ 1000 phi-cơ Đức bị hạ, tính bình phân mỗi ngày Đức hạ 61 chiếc còn Anh chỉ bị hạ tất cả 164 chiếc và 175 phi-cơ.

Tin Đức cũng nói từ 8 aout đến 16 aout Anh bị hạ mất 505 chiếc phi-cơ. Đức cũng mất 129 chiếc. Giữa lúc phi-cơ Đức sang đánh Anh một cách dữ dội như thế thì quân Ý ở Đông-Phi cũng liên công vào xứ Somalie thuộc Anh và sau khi chiếm được các hải cảng, miền sa mạc, theo tin sau cùng đã chiếm được toàn xứ thuộc địa Anh và quân Anh đã phải rút lui. Báo Đức phê-bình cuộc thắng lợi của Ý cho là rất quan trọng vì từ đây quân Ý đã đứng trước quan cảng عدن một pháo đài rất lớn cũg Anh và làm nguy cả con đường sang Ấn-Độ. Việc này có lẽ làm giảm thanh thế của Anh ở Đông Phi nhiều. Lại có tin quân Ý đã tập trung ở biên-giới xứ Lybie định tấn công vào xứ Ai-cập nữa.

Báo lại Đức và Ý đối phi-quân R. A. F. của Anh cũng rất hoạt-dộng và hàng ngày vẫn bay đi đánh phá nhiều xưởng kỹ-nghệ chiến-tranh, nhiều nhà chứa dầu hỏa, ét-săng, các cơ-quan quân-sự cùng, các thị trấn lớn của Đức và Ý. Có tin phi-cơ Anh lại đến thăm cả kinh thành Bá-linh.

(xem tiếp trang 23)

HAI ÔNG CHÁU GIẾT CHẾT 18 TRIỆU NGƯỜI

CHƯA CHẮC CHIẾN TRANH ĐỜI NAY TÀN HẠI SINH MẠNG HƠN ĐỜI XƯA

Các ngài hẳn còn nhớ trong trận đại chiến ở binh nguyên Flandres tháng 5 tây mới rồi, quân Đức chết năm ngàn ngàn, đầy đường chết nội, những đại-binh họ cứ tiến; từng đoàn xé thiết-giáp để càn lên xác người mà đi. Người ta nói trận này Đức-quân tử thương có mấy chục vạn, mà quân Đồng-minh tổn hại cũng nhiều.

Ấy, mới có một trận đã thấy tàn hại sinh-mạng đến thế, huống chi còn phải kéo dài lâu ngày, thì đồng xương vô-dịnh sẽ cao ngất ngàn mây và quyền số máu chưa biết sẽ đầy tới bao nhiêu trang mà nói.

Đời càng văn-minh, khoa-học càng tiến tới mở mang chứng nào, thì những khí-giới giết người bày ra càng nhiều, càng mau, càng dữ dội thêm chừng này. Với những khí giới ghê gớm ấy, chiến tranh tất phải tàn hại sinh-mạng nhiều hơn trước bội phần.

Nhiều người vin lấy lý-do ấy mà tin chắc rằng chiến tranh đời này đồ máu chết người hằng mấy đời xưa.

Kể về nguyên-tắc thì như thế đấy, nhưng đến thực-trạng thì chưa chắc đúng.

Cứ nói cho phải, hề đã có chiến tranh thì bao giờ mà chẳng chết người như ra. Ngay từ lúc người ta chưa tìm ra thuốc súng, chưa biết phi cơ tạc-dạn là cái quái gì, chỉ chơi nhai bằng cung tên giáo mác, cũng đã tàn sinh hại mạng của nhau không phải là vớ.

Chẳng qua thời đại nào kỹ-cương ấy, người ta chịu khó so sánh theo nghĩa tương-đối, không chừng những trận đánh nhau thuở xưa có phần hại tai hại dữ hơn đời nay mà không ai nghĩ!

Vì sao?

Vì ở đời này, phần nhiều cuộc giao chiến,

người ta chống chọi nhau bằng những lực lượng xấp xỉ tương đương, có hơn kém nhau cũng không mấy. Nếu một địch-quốc đưa ra những chiến-khi mới lạ, tức thời nước đối-chiến phải tìm ra phương pháp công phá hay phòng ngừa được ngay. Nếu đời nay có lắm khí-cu tàn phá ghê gớm, đến nỗi số người tử-thương cũng phải vì đó mà tăng lên gấp bội, nhưng ta phải biết rằng đời nay nhờ có y-học tiến tới, có khoa-mổ xẻ rất tài, có những phương thuốc điều trị rất công-hiệu, người ta có thể cứu chữa được bao nhiêu chiến-tử bị thương trở nên lành mạnh. Không như cổ-thời, quân lính ra trận bị thương mà không dấy nổi, hầu hết bị bỏ rơi ở chiến trường, coi như đã chết. Thiếu gì người chưa thật chết mà bị chôn sống. Họ chết thể là chết oan. Có dẫu được sung sướng như chiến-sĩ ngày nay, hơi bị thương một chút, tức thời có đội quân cứu-hộ khiêng vác, để cho những nhà danh-y săn sóc.

Biết bao nhiêu trận huyết-chiến tàn hại có ghi chép trong lịch-sử Đông Tây.

Trận đánh ở Annihal của người La-mã, trước Thiên-chúa giáng-sinh 216 năm, hai bên chỉ giao phong bằng giáo mác, thế mà trong vòng 10 giờ đồng hồ, 7 vạn quân La-mã chết năm ngàn ngàn ở trận-dịa.

Năm 1813, liên quân Đức-Nga đánh với Nã-phá-luân hoàng đế ở Leipzig - người ta gọi là trận đồ máu nhiều nhất của thế-kỷ 19 - trải 3 ngày giao chiến, chết 4 vạn quân Pháp và 6 vạn quân Đức-Nga. Trong ba ngày ấy, pháo-dội của Nã-phá-luân bắn cả thấy 95.000 phát súng đại-bác.

Một nhà nghiên cứu quân-sự đã chịu khó tỉ mỉ so sánh, từ chiến-tuyến, binh lực cho đến khí-cu và thời-gian, rồi nói rằng có-lại không có trận đánh nào chết nhiều người

bằng một trận đánh ở Saint-Privas hồi Pháp-Đức chiến tranh năm 1870. Đến nỗi những trận Nhạt-Nga huyết chiến ở Mãn-châu hồi 1904-1905, và thế-giới đại-chiến 1914-18, cũng hông có trận nào đánh ngắn và mau mà u hu huyết thế.

Trận Saint Privas đánh ngày 18 tháng 8 năm 1870, hai bên giao phong ở mặt trận chưa đầy hai cây số và chỉ bắn nhau có một giờ, mà Pháp thiệt hại 13.200 mạng người, Đức chết 21.000 tương-sĩ.

Kể thế thì những trận huyết chiến ở trong lịch-sử Tàu, nhất là hồi Đông-chu Liệt-quốc như trận Vũ-an-quân nhà Tần hạt thành Hàm-dan, chôn sống bốn năm vạn người một lúc, sánh lại cũng còn thua xa.

Nói gì trận Âu-chiến 14-18, cả thấy 21 nước giao phong, chiến-tuyến dài 700 cây số, hàng mấy triệu binh sĩ đánh nhau mỗi ngày, luôn trong 4 năm trường, ở dưới những cơn mưa bão gang sắt, làm sao chẳng hại nhiều sinh-mạng cho được?

Người ta đã kê rõ thực số như sau đây:

Chết	4.998.771
Thương nặng	6.295.512
Thương nhẹ	14.002.039
Biệt-tích	5.983.600

Chết vì dịch lệ bởi chiến-tan-h	
mà ra	10.000.000

Những con số trên đây hình như chừng tỏ ra chiến tranh đời nay tai hại hơn đời xưa. Bốn năm binh hỏa giết chết gần 5 triệu con người, còn những kẻ đi qua đờ sống dở chết là chưa nói đến.

Tuy thế, đời xưa vẫn tai hại hơn, nếu người ta nhớ lại những trận của hai người Mông-cổ say máu là Thành-cát Tư-hãn và Hốt-tất-Liệt.

Cách nay vài kỷ, chúng tôi đã có một bài thuật qua những cuộc chinh phục quật-cường của Thành-cát Tư-hãn, nổi lên từ bãi cát Mông-cổ mà đánh giết ba phần châu Á, diệt hơn 40 quốc-gia, tràn qua tung hoành một độ ở phía đông Âu-châu, kết quả thống trị hơn 500 triệu người. Ấy là vua Thái-tổ nhà Nguyên.

Đến chịu dich-tôn là Hốt-tất-Liệt diệt được nhà Tống vào làm vua Trung-quốc, rồi cũng đánh đồng giết bắc, sát phạt một lúc nữa.

Đó các ngài thử đoán hai ông cháu nhà này đã sát hại bao nhiêu mạng người?

Chắc không ai đoán ra.

Nhưng xem con số của Trúc-son-sử (竹山史) thì ra ở thế-kỷ 12, 13, người ta cũng đã b.ết làm thống-kê kỷ lưỡng: «Kể từ Thái-tổ mở đầu nhà Nguyên cho đến Thái-tổ (tức Hốt-tất-Liệt) diệt Tống, sát hại 1 nghìn 8 trăm 47 vạn người có lẻ. Tính từ của giống sai làng đến thế, còn có gì quá hơn được nữa.»

(統計自太祖開元至世祖滅宗殺戮一千八百四十七萬有奇豺狼之性安有極哉.)

Thế có ghê không? Hai ông cháu nhà này chính tru sát-luc có mấy chục năm, tổn hại tới 18 triệu 47 vạn sinh mạng người ta, thiết tưởng cổ lai chưa có nhà chinh phục nào đa sát cho bằng, và chắc hẳn chưa có trận chiến tranh nào đồ máu chết người nhiều đến như vậy.

Nếu kê cả những cuộc tàn sát gọi là «dở thành», thì số nhân-mạng tổn thương nhiều gấp hai mới phải.

Những lúc Thành cát đem binh hùng hổ đánh suốt Á Âu, biết bao thành trì nhân dân đã bị đập b.ẳng cách giết sạch, đến nỗi ngôn có cũng không còn. Lại sau Hốt-tất-Liệt diệt Tống và dụng binh ở phía đông nam đã có lệ định, hễ một thành nào chỉ bắn ra một mũi tên, liền bị coi là kháng cự, đến khi thành ấy bị hãm thì bao nhiêu quân sĩ nhân dân trong đó đều bị giết sạch, chẳng chừa một ai.

Con số của Trúc-son-sử hẳn chỉ tính kê trong phạm vi Trung-quốc đấy thôi, chứ nếu tính luôn những trận Thành-cát chinh phạt từ Á sang Âu, thì số người bị hai ông cháu lão ta chém giết, đến 30 triệu người, hay là hơn nữa.

Chờ xem kết quả trận Âu chiến này, sẽ giết hại bao nhiêu mạng người cả thấy.

X. Y. Z.



BẠN có thấy không?
Cuộc đời của chúng ta, ngày lại ngày, năm lại năm, đã bao lâu rồi chỉ bằng phẳng như mặt nước ao-tù...

Kiểm duyệt bỏ

Trên những thói quen ta chẳng cần phân biệt là tốt hay xấu, chúng ta đã sống những ngày hiu-quạnh, buồn-tênh, dật-thịch-thoảng trong chuỗi ngày ấy đã đi vào những ngày vui, đùa, sôi-nổi. Song, những ngày vui chỉ là những ngày vui dối-trá, nó qua đi nhanh như một phút diên-cường, và càng làm bật lên... cả một cuộc đời chán ngán.

Chúng ta hãy im-lặng nghe tháng ngày trôi — trôi mãi vào nơi vô-dịnh của thời-gian, và hãy để cho lòng mình tự-do cảm-dộng, chúng ta sẽ thấy rõ cái bằng-phẳng vô-vị của cuộc đời mình.

Hãy giờ phải làm sao?

Tôi muốn các bạn phải nhận, hay ít ra các bạn cũng phải cảm thấy, trong muôn một, cái chống rỗng buồn tênh của cuộc đời.

Trên những tập-quán, chúng ta đã tự giam mình vào những hoàn-cảnh tâm-thường mà chúng ta không biết.

Bạn sẽ bảo bạn đã miệt-mải trong sự học,

Tập kỹ sự mà các bạn sắp đọc đây là của một bạn trẻ nặng một lòng yêu đất nước muốn cho thanh niên ta thấy những cái tha trong sự « Ra đi » để thấu thái những cảnh tàn kỳ ở dưới những phương trời xa lạ. Có biết giang sơn cảm tử của nước mình, người ta mới có thể quan niệm được cái công trình vĩ đại của người xưa, mà gắng công làm việc. Một người mà không trông thấy những cái đẹp của trời cao hay cái thể thấy một cái tha sống ở đời, có bao giờ có thể yêu được người?

Thanh niên của thời đại này đây, theo ý chúng tôi tưởng, phải biết trọng cái giá của người, cái đẹp của đời trước đã thì mới có thể yêu đời mà sống một cách mạnh mẽ và phấn đấu với những sự khó khăn trên đường đời được.

Chúng tôi mong rằng tập kỹ sự « Ra đi » của bạn Hoàng-Phong sẽ đem đến cho bạn trẻ chúng ta một sinh lực mới, một tinh thần mới ở trong sự ham muốn ra đi, để tìm lấy những sự cao cả cho tâm hồn.

T. B. C. N.

trong sự « hiểu biết » những điều hay, bạn sẽ bảo bạn đã yêu say-dắm, đã sống thiết-tha, song nếu bạn không tự đối mình, bạn thấy rằng, trong sự sống thường ngày, bạn vẫn như có một điều bất-mãn...

Điều bất - mãn ấy,

chính là tiếng kêu thương của lòng bạn nổi lên trong chốn chật, để chống với sự bằng - phẳng chán-trường của một cuộc đời giam hãm mãi ở một nơi.

Vì, học-hành ư? Thế nào bạn chả có lúc bạn thấy những lý-luận ở trong sách là khó-khăn, buồn tẻ. Mà bạn vẫn thấy thế luôn thì phải. Rồi tự-nhiên bạn thấy chán-nản, bạn thấy nao nao ở trong lòng và bạn thấy muốn... không biết là muốn gì.

Cái chán của bạn không phải là vô cơ. Những lý-luận xuống của sách vở mãi đưa trí tuệ của bạn nhiều lắm, song nó có mãi đưa cái tính nết của bạn không — cái tính nết cần phải có của một người trong nước? Và sự học của bạn, ở xã-hội này, sẽ đưa bạn đến đâu, đến chỗ danh-vọng, hay chỉ là đến chỗ ảo-trưởng?

Yêu-đương ư? Ở chỗ miệt-mải say-dắm, sao bạn vẫn như chưa được vừa lòng? Đã mấy lần rồi, vô cơ, bạn viết thư cụ-tuyệt người yêu? Mà nào họ có làm gì đâu để phải chịu

những nỗi gian-hòn của bạn! Cũng dễ hiểu lắm: đời của bạn đã quá bình thường, tình yêu của bạn cứ mỗi một mực ở chỗ say-dắm, rồi cũng sẽ bình-thường như đời bạn: Những điều giản, hờn, chỉ là những cách để trả thù sự bằng phẳng, trong giam - cầm, của cuộc đời vô-vị này...

Rút lại, ngày lại ngày, năm lại năm, bạn cứ chịu sống mãi ở một nơi, sống trong vài địa-hạt, thì chính ở chỗ giam-cầm đó bạn lại tự giam mình thêm một lần nữa.

Bây giờ chỉ có một cách là phải: « Ra đi... » Một thi-sĩ Pháp đã viết: « Ra đi là chết đi một tí » (có lẽ ở trong lòng).

Đối với thanh-niên Việt-Nam: Ra đi... là cả một nguồn sống...

Ra đi, bạn sẽ có cái cảm-trưởng là thoát khỏi được — ôi, sung - sướng! — cái bằng phẳng điều-tàn của cuộc đời. Ra đi, bạn sẽ thấy nổi lên mặt nước cái ao tù của đời bạn, những sóng, gió bất ngờ mà bạn chưa từng biết...

Ra đi là cả một con tàu đợi bạn ở sân ga, trên con đường dài mới lạ, là những tiếng còi tàu xa lắc như thúc-giục bạn lên đường... Ra đi là những câu nói ba-hoa của những người đi tiền bạn, là những cái bắt tay thân ái, là những làn môi-soa bay lên trước gió như để chúc đẹp cho cuộc viễn-du, và ra đi...



cũng là những giọt nước mắt ám-thăm của những người yêu bạn khóc cuộc biệt-ly. Ra đi... là tất cả.

Hai chữ « Ra đi... » phải để trong lòng bạn cũng như trong lòng tôi, một tiếng vang dài, ngân-ngã mãi mãi. Vì ra đi..., sung-sướng lắm! Bạn hãy tưởng-tượng xem: Cả một vũ-tru to rộng, biết bao nhiêu kỳ-công sáng tạo của thiên-nhiên, nào núi cao, nào biển rộng, nào những đám mây muôn nghìn sắc của những buổi chiều-tà, nào cả một giải rừng xanh nằm dài trong bí-mật... Bạn hãy tưởng-tượng xem: Cả một cuộc đời với bao nhiêu vẻ đẹp ẩn-hiện của nhân-sinh, nào những câu cười lẫn trong tiếng khóc, nào những sự vất-và ám-thăm của một số người lam-lũ bên những sự hào-hoa, phòng-dưỡng của một bầy người dặc-thể, ngông-cường... Vũ-trụ ấy, cuộc đời ấy, đang đợi bạn trên con đường dài. Bạn sẽ bị lôi cuốn trong những cái đẹp vô cùng tận ấy và bạn sẽ mang cá-nhân ra mà rèn-luyện theo thiên-tính mình, trong chỗ hiểu biết liên-tiếp. Và bạn hãy nhắc lại đi hai chữ « Ra đi... », bạn đã thấy rồi tâm-hồn bạn như mở rộng ra để súc-tiếp với vũ-tru; với cuộc đời.

Ra đi... là cả một nguồn văn, trong sự sống của xã-hội và trong sự sống của riêng mình.

Nếu bạn có một tâm - hồn thi - sĩ, thì, ra đi..., bạn sẽ tha hồ biến - chép những cảnh



lĩnh, mà bạn sẽ được sống hay là thấy ở bên mình. Bạn sẽ thấy ở chỗ phức-tạp của cuộc đời, ở chỗ đẹp tuyệt-đối của thiên-nhiên, những dấu đề mới lạ cho tâm hồn nghệ-sĩ của bạn. Và biết đâu bạn sẽ chẳng thấy được một lý-tưởng, đề phung-sự văn-chương bằng một lòng tin mà từ xưa đến nay bạn chưa từng có.

Tôi mong như thế lắm. Và, nếu bạn muốn là một nhà học-già sau này, hoặc là một nhà buôn, một nhà kỹ-nghệ thì, ra đi... chính là một cơ-hội để bạn khảo-sát phong-tục, nhân-tinh và là một cơ-hội để bạn học khôn và kinh-nghiệm.

Nhưng, sự thực là hiện giờ, những lý-luận xuống ở trong sách đã để bạn, nắm lại năm, bằng-hoàng trước những sự thực bất-trắc của cuộc đời. Bạn đã hiểu, biết những gì trong sách vô? Cuộc đời của bạn thế nào cũng phải có một đoạn « Ra đi... ». Vì ra đi..., bạn sẽ trực-iếp với sự sống thực của vũ-tru, của cuộc đời. Ở trường học đời, bạn sẽ không thấy chán-nản như ở trường học chữ, mà ở đây người ta đã cố mài dũa tri-tuệ bạn bằng những lý-luận khó-khăn. Muốn có một tính-nết cần phải có của một người trong nước, bạn phải ra đi... để hiểu, biết, để ma-luyện tâm-tinh cho thích-hợp với hoàn-cảnh xã-hội. Có thể, nhờ ở cái học trong sách một phần và nhờ tăng trải một phần, đời bạn hoa chỉnh mới có ý-nghĩa...

Và, tôi không quên cái tâm-sự của bạn đâu! Trong địa-hạt yêu-thương, nếu bạn đã chán

cái cảnh tâm-thường của một ái-tình bằng-phẳng, thì, ra đi... ở chỗ xa xa, bạn sẽ thấy ở trong lòng một điều dân mới lạ cho khúc dân ăn-ái, nhớ-nhung...

Ra đi là một sự đổi mới tốt đẹp.

Ra đi! Bạn phải ra đi... dù chỉ trong một vụ hè.

Chúng ta phải ra đi, bởi các bạn thanh-niên! Để hầu giải đi, trong muôn một, cái buồn ngấm-ngấm phủ trên cuộc đời bằng-phẳng của chúng ta...

Cái lối đi nghĩ mát ở các bãi biển hay ở các chỗ núi cao, rất không thích-hợp cho tâm-hồn thanh-niên, trong lúc này. Nghĩ-ngơ! Cuộc đời thường ngày của chúng ta chẳng ẽa là một sự nghĩ-ngơ, buồn tẻ rồi sao? Và lại, bề và núi, chúng ta đã quên lắm rồi, sự đùa nghịch năm nào cũng như năm nào ở ngoài bãi biển đã hầu thành một thói quen! Đáng chán. Ở chỗ nghĩ-ngơ, vô tình hay hữu ý, bạn đã định quên đi cuộc đời bình-thường đã sống trong hoàn-cảnh bình-thường.

Song, bạn không quên được đâu! Sự nghĩ-ngơ chỉ có bạn, chưa được mấy tuần trăng, bạn đã lại phải trở về với cuộc đời bằng-phẳng kia rồi.

Vậy thì núi và bề, chúng ta hãy nhượng cho những dân-bà, còn trẻ.

Còn chúng ta, bởi các bạn thanh-niên! Chúng ta thì phải ra đi...

(xem tiếp trang 30)



'THO' ĐU'ÔNG

Nỗi lòng chinh-phụ
(Xuân khứ)

của Thôi-đạo-Dung

Dục tiền « nghĩ xuân » tự

欲剪宜春字

Xuân hàn nhập tiên-đạo

春寒入剪刀

Liêu-dương tại hà xử

遼陽在何處

Mạc vọng ký chinh-bào

莫望寄征袍

Dịch nghĩa:

Vừa toàn cắt chữ « nghĩ xuân »,
Hơi xuân lạnh thấu kéo cầm buốt tay.

Liêu dương ở chốn nào đây,

Xin đừng mong đợi gửi ngay áo bào.

Ý thơ: Tả cảnh buồn tẻ của một chinh-phụ, gặp buổi tiết xuân gió lạnh, thường chúng phải nằm sương gối tuyết ở, sa trường, muốn may ngay áo gửi cho chồng để tỏ tình thương nhớ. Trước hết định cắt hai chữ « nghĩ xuân » trong ngu-bao nghĩ tốt lành thêu vào áo để thay lời chúc, nhưng khi giới lạnh quá, vừa cầm kéo tay đã già buốt, đành phải ngừng tay, lòng nghĩ vẫn vợ, thương nhớ qua bóng đèn ra hồn đối: Hãy cứ để cho má rét, ai bảo cứ đi, đi mà không về, cảnh chán đơn gối chiếc, nỗi anh hùng nào có riêng ai, Liêu dương thâm thâm phương giới, chờ vô, mong gì này gửi áo. Muốn được ấm áp, lại phí sớm trở về vườn cũ, cùng nhau má ập vai kề.

II

của Trương-trung-Trĩ

Niên-niên thành-biên-liêu

年年城邊柳

Thanh thanh mạch thượng tang

青青陌上桑

Đề lung vong thái-diệp

提籠忘採葉

Tạc dạ mộng Ngư-dương

昨夜夢漁陽

Dịch nghĩa:

Bên thành vắng bên thướt tha,
Dâu xanh um-tối tỏa ra đầy đàng.

Vẫn vợ mang đồ về không,

Ngư-dương tơ-trưởng nỗi lòng đến qua.

Ý thơ: Tả cảnh một chinh-phụ trong lúc vắng chồng ngơ ngẩn, dù vẫn làm cái việc hằng ngày mang đồ đi hái dâu chân lấm. Nhưng khi qua bên thành, thấy động liễu gặp tiết xuân đang thướt tha đón gió, đôi cảnh sinh tình, tình càng vợ vẫn, rồi quên cả hái dâu, mang đồ về không, nghĩ đến giấc mộng đêm qua như đi đến tận Ngư-dương cùng chồng gặp mặt, vui vẻ biết chừng nào.

Cung oán

của Lý Bạch

Ngọc giai sinh bạch-lộ

玉階生白露

Đạ cửu xâm la miết

夜久侵羅襪

Khước hạ thủy-linh-liêm

却下水晶簾

Linh-lung vọng thu nguyệt

玲瓏望秋月

Dịch nghĩa:

Đứng trên thềm ngọc sương sa,
Tất chân lạnh thấu đêm ra khuya rồi.

Buồng rèm toàn ngủ đi thôi,
Thấy giăng sáng lại hồi hồi nhìn giăng.

Ý thơ: Tả một cung nữ đêm đến đứng chờ vẫn ở thềm cung mong chờ vua đến. Chờ mãi cho tới lúc đêm khuya sương xuống vẫn chẳng thấy gì, tuyệt vọng buông rèm toàn đi ngủ, nhưng thấy giăng sáng như lại có tia hi vọng, ngồi dậy nhìn giăng.

Khước oán

của Lưu-võ-Tịch

Châu bạc lung hàn nguyệt

珠箔籠寒月

Sa-ong bội hiên đăng

紗窗背曉燈

Đạ lai cân thượng lệ

夜來巾上淚

Nhất bán thi xuân băng

一半是春冰

Dịch nghĩa:

Rèm châu giăng ánh thấu qua,
Đèn chong suốt sáng song sa ngập mờ.

Đêm qua khăn thấm lệ thừa,
Nửa đã thành văng bấy giờ chưa tan.

Ý thơ: Tả cảnh gái vắng chồng, đêm khuya giăng lạnh dần dọc không ngủ, đèn thấp thấu đêm, những giọt lệ trào ra thấm ướt trên khăn, vì đêm xuân gió lạnh, một nửa đã đóng lại thành băng. SỞ-BẢO



Dưới bóng thân vè-nũ

NHỜ AI CÔ ĐẸP, CÔ GIÒN ?

Tờ Trung-Bắc Chủ-nhật kỳ rồi vừa rồi... không ngày chủ nhật thì Cô-Lý liền nhận được một bức thư của một nhà thi-sĩ gửi đến để công-kích bài *Giai-nhân và Thi-sĩ* của Cô-Lý.

À quên, nói rằng công-kích Cô-Lý thì cũng không đúng hẳn, nói rằng công-kích *Giai-nhân* thì đúng hơn. Mà nói rằng công-kích cái... chỗ « Thời buổi này, *Giai-nhân* chỉ nặng rợ với tài tiền » thì đúng lắm lắm.

Tuy rằng sự công-kích đó nó cũng một giועc với cái lối quảng-ráo của các bà, cô : « Sao em không yêu anh đi ? Anh là người đẽng yên lắm », nhưng vì xét thấy nó cũng chưa đụng một đôi nhân sự thực như cái lối : « đã gọi là thuốc chữa bệnh... ho thì thể nào nó cũng chữa được chút ít bệnh ho » nên Cô-Lý liền cho đăng nó lên để giải... cái bận lòng của những thi-sĩ chỉ vì là thi-sĩ mà phải ôm hận đời đời...

Lại vì nghĩ rằng *Giai-nhân* chẳng những cần phải phụng sự bằng nước hoa, lụa là, vàng ngọc, phẩm sấp và... sức khỏe, mà đôi khi lại còn cần phải phụng sự bằng vài ba chân-lời thì *Giai-nhân* mới khỏi mang tiếng là thứ hoa hải-dương có sắc mà không hương.

Cô-Lý cho đăng bức thư, nhưng trước đi một vài đoạn vì thi-sĩ quá uồng, đâm kích-liệt. Trước đi, vì sự rằng *Giai-nhân* có giận mà không nghe thì những lời bộc-bạch của thi-sĩ chẳng cũng uồng lắm đó. Loại người, hiểm thav những kẻ có đủ can đảm để nghe những sự thực như : lòng ! Trong số *Giai-nhân*, sự đó lại càng hiểm lắm lắm.

Cô-Lý,
Trung-Bắc Chủ-Nhật,
Hanoi,

... Tôi tưởng nếu có hạng người mà *Giai-nhân* phải mang ơn nhất và yu nhất là bọn thi-sĩ chẳng thôi. Ai đã gèn cái đẹp một cách thiết tha ? Ai đã làm cho th ãn-hạ nhìn thấy cái đẹp của *Giai-*

nhân ? Ai đã làm cho mọi người biết sắc đẹp là vật báu nhất ở trên đời ?

Ai đã biết đem vì cái nhìn của *Giai-nhân* với làn thu-thủy ? Ai đã làm cho mọi người nhận thấy rằng dáng đi của người đẹp là một cái gì thướt tha như liễu rủ, uyển chuyển như beo vờn ?

Chắc không phải là bọn « cò vãng » sau khi đã được thỏa-mãn cạnh *Giai-nhân* liền nằm quẹo lờ ra... kéo gổ, rồi nhều cả nước miếng, nước mồm ra gổ.

Chắc không phải là những con chó giữ « kén » bực có thể nói được câu :

— Hoa hải-dương của ta còn ngái ngủ đây ư ? Những người biết thưởng-thức cái đẹp một cách thanh-lịch và ý-nghị phải là thi-sĩ hay là những người có một tâm-hồn thi-sĩ. Ngoài những hạng người cao-quý ấy ra thì loan là một sự say-mê thô tục như con chó chạy theo... những thứ đồ dầy, hay như con mèo nhảy lên đớp những miếng thịt mà thôi. Thêm khát thì chúng húc đầu vào, chứ nào có biết hưởng vị gì đâu.

Thế cho nên thảo xua đã có một *Giai-nhân* thất ra :

Một đêm quán-tử nằm kẻ,
Còn hơn thảng ngộ vô về quán rằm.
Và chỉ có thi-sĩ mới biết yêu :
Mỹ-nhân còn, hoa đây phòng,
Mỹ-nhân đi rồi phòng bỏ không.
Hèn giường màn loan cuốn cất đó.
Đến nay ba năm, hương còn nồng.

Cô-Lý xem xư sách lật đã từng thấy cái lối phụng thờ sắc đẹp của con người tạo-nhà nó khác xa với lối phụng thờ của kẻ vũ-phu.

Một ông vua hung-quốc, vãn vũ loạn tời như vua nhà Hán, đem rắc hoa sen vàng ra khắp điện rồng, rồi truyền cho người yêu đi quạ. Nhà vua đứng say sưa ngắm, rồi bỗng hồi-thối ra :

— Bộ bộ sinh liên hoa.

Còn một ông vua vong-quốc và ngu muội như vua nhà Chu thì đem sê-lụa cho người yểu nghe.

Cô-Lý đã thấy chưa ?

Giai-nhân mà thiếu thi-sĩ thì *Giai-nhân* còn là gì ? Chỉ là những cục thịt không hơn.

Giai-nhân mà không có những Lý-thái-Bạch, Bạch-cư-Dị, Nguyễn-Du, Tân-Bà, Lamartine, Alfred de Musset... thì *Giai-nhân* chỉ là những cái xác ma sinh ra để thoắt nấp như những cái xác ma khác.

Bởi cái đẹp của *Giai-nhân* một đôi lần đã được cái may mắn con mắt khác-phàm của nhà thi-sĩ nhìn đến, nên *Giai-nhân* mới thành ra bất-lũ.

Nhưng nay, nói đến Dương-Quý-Phi, tại sao ta còn bồi hồi say sưa ? có phải tại Lý-thái Bạch đã ca tụng sắc đẹp của nàng bằng bài Thanh-Bình-Điện.

Vân tưởng y thường, hoa tưởng dụng,
Xuân phong phật bậm, lộ hoa ngưng.

Và lại sao nhắc đến cái chết thể-thâm của nàng ta còn dụng dụng nước mắt ? Có phải tại Bạch-Cư-Dị đã vì thương tiếc cái đẹp của nàng mà làm ra bài Trường-hạn ca ?

Thiên 'rường địa cửu hữu thời tàn,
Thử hậu thiên niên vô tuyệt kỳ.

Cái do đó tôi mình là cái gì ? Chẳng qua là thứ vật dưng... mờ-mờ, ấg thẽ mà chỉ vì trông khi ca-ngục cái tiết-thảo của một *Giai-nhân*, một thi-sĩ đã dụng đến nó mà nó vật biến ra thành một thứ gì của tiên-nữ rất xứng đáng để giữ những báu vật ở trên đời :

Quần tri thiếp hữu phu,
Tặng thiếp song minh-châu,
Cầm quần chiến miên ý,
Hệ tại hồng la nhu.

« Chẳng hay em có chồng rồi,
« Yên em chẳng lạng một đôi ngọc lành.
« Văn vương, những cầm một tinh,
« Em đeo trong áo lót mình mẫu sen. » (1)

Xem qua thế thì biết ai tìm ra sắc đẹp, và sắc đẹp phải ơn ai ? Và ai là người biết yêu hơn cả ?

Bấy giờ thời buổi ấy, uồng và mặc, *Giai-nhân* đi nặng nư với... tài tiền, cái đó chỉ tại *Giai-nhân* đã đến, chứ có phải tại thi-sĩ chúng tôi vãn sơ đâu ?

P. C. C.
CÔ - LÝ

(1) Tác của Trương Tích. Lời dịch của Ngô-lân-13

THÂN LÀ CÔ-QUAN TRONG-YẾU

Trong bộ mấy sinh-dục, thân tạng là một-cơ-quan trọng-yếu. Nếu như thân tạng bị bệnh tất nhiên sự sinh dục sẽ có trở ngại.

Những bệnh về thân tạng ra chứng trạng thế nào ? Nghe thì mờ mắt, ư tai, đau lưng mỗi gân, kém ăn, kém ngủ, thân thể m ôi mệt, tiêu tiểu nặng đi, nặng thì hoạt-tinh, tinh-khi không bền, uồng nửa thì dương-sự bất cứ.

Những bệnh về thân tạng những gì làm cho người ta mất đường sinh đẻ, có khi nó còn khiến cho người ta giảm tuổi thọ nữa.

Nhưng mà chữa các bệnh của thân tạng không phải là sự dễ dàng, biết bao nhiêu người hàng năm uống toàn những vị bổ thận, rút lại vẫn không thấy công-hiệu.

Ấy là tại người ta chỉ biết bổ thận dương mà không biết bổ thận huyết.

Phải nên nhớ rằng: Thân tạng cũng như các tạng khác, cần đủ huyết dịch để nuôi tưới, thì mới có thể cường tráng. Bô thận mà không bô thận huyết cũng như đèn đã hết dầu sắp tắt, không rút dầu thêm, mà chỉ thêm dầu lên, dù có nó được vài giây sau rồi cũng tắt.

BỘ THẬN HUYẾT TRẮNG THẬN DƯƠNG HOÀN số 25 của nhà thuốc Lộc Hà là 1 thư thuốc bổ thận huyết dịch để sinh tinh dương khi do hàn được phỏng theo phương pháp cụ Trương-Trung Cảnh đời vua Hán Vũ đế mà chế ra, vì vậy công hiệu rất mau chóng, hiện đã chữa được nhiều người, và hiện nay chỉ có thu c này mới được được bệnh của 1-án tạng, giá mỗi hộp 1 \$50, uống 3 ngày (thuốc viên máy).

Sán-sơ-mít, giun

Bệnh Sán sơ mít mới mắc uống một hộp BACH THON TRƯNG LINH DƯỢC số 28, lâu nhất uống 2 hộp, cam-đoan trong 2 giờ sẽ đi ra con sán giun 12 thước tây rồi khỏi hẳn. Ngại nào muốn thí-nghiệm lại lại bản hiệu uống thuốc ngồi đợi 2 giờ có ra hết sán mới phải giá tiền, nếu không ra hết sán, bản hiệu đến thêm một đồng nữa, giá mỗi hộp 0 \$00. Còn như người nào có sán kim, hoặc có giun chỉ TRƯNG TÍCH TÂN số 18 giá 0 \$10 người lớn 3 phong trẻ con 1 phong là ra hết, không phải tây.

BỘ TRƯNG TIÊU ĐỘC HOÀN chữa bệnh đau dạ dày về bệnh đau bụng kinh-niên nhẹ 2 hộp uống 6 hộp là khỏi hẳn, không khỏi giá tiền, giá mỗi hộp 0 \$50. Thư từ và mandat đề M. Ngô-vân Lân chủ nhà thuốc

LỘC-HÀ

N- 14, PHỐ HÀNG BẠC — HANOI
(trước cửa treo con dao cùn)

Đai-lý: HẢI-PHONG, PHÚC-YÊN, PHÚC-THO, UÔNG-NHỆ, MẠI-LINH, HÒA-NHÂN, LÂM-KHÉ, TÔNG-QUÝ-LỢI và các nơi treo con dao cùn đều có bán

HAI XU CHA TRAU

MẬT TRÁI ĐỜI của NGỌC-THỎ

Tranh vẽ của MANH-QUYNH

Tối ấy Thu đi chơi mát về tới nhà thì vợ Thu vừa cãi nhau với bà mẹ chồng xong. Nghe vợ thuật lại việc xảy ra, Thu hăm hăm, bước nặng thình thịch sang bên phòng khách chỗ bà mẹ ngồi, nguyền rủa mà rằng:

— Bà có ý làm cho Nó đến chết phải không?

Nói đoạn Thu cúi áo ngoài xuống ra ghế reo mình đánh thình xuống chiếc sập gu, cảm thảng căng như người chết rồi, thình thảng lại thở dài thườn thượt, và nguyền rủa ken kết...

Bà Phán, mẹ Thu, không nói năng gì, ngẩn nhìn bức ảnh treo đại bên thân ông Phán trong trên tường, và... hai hàng lệ từ từ chảy qua cặp má rần rần... Chẳng phải lần này là lần đầu, mà từ một năm nay, từ lúc ông Phán đi thế, cái cảnh gia đình nhà bà đang vui vẻ, đầy hạnh phúc, được người đời thêm muốn, bỗng thành ra một cảnh địa ngục cho bà! Bà cần rầu chịu bao nỗi đắng cay, chua xót, cũng do lòng thương, lòng yêu đứa con một là Thu kia!

Thực vậy, trong vòng hơn một năm nay, các bạn học gặp mặt bà Phán, ai ai cũng phải sững sờ mà kêu:

— Sao bà chóng già thế?

Sao? Chỉ một mình bà Phán ngấm ngấm biết! Người ta ngạc nhiên hỏi nhau:

— Cảnh ngộ như bà Phán thực là sung sướng, ai chẳng thêm muốn, nay con cháu đông-dân, tiền của lại sẵn, vậy thì còn lo phải nỗi gì?

Lo phiền nỗi gì? Cũng chỉ một mình bà ngấm ngấm biết lấy. Kết hôn cùng ông Phán từ lúc mới 16 tuổi đầu, hăm lung buộc bụng, chung lo gác vác nhà chồng cho tới khi ông Phán về hưu trí, thì tài sản chẳng lấy gì làm to tát lắm nhưng cũng được hai tòa nhà tây ở Hanoi, một tòa nhà gác và ba chục mẫu ruộng ở nhà quê. Người đi làm việc nhà nước, thiết tưởng lúc về hưu ít ai được như thế!

Thu là con một, lấy vợ đợ 7, 8 năm nay, nhờ trời con trai, con gái được tới 4 đứa, ngày ngày quẩn quít bên bà nội. Cái cảnh gia đình như thế ai chẳng bảo rằng sung sướng? Mà có thể sung sướng thực, nếu Thu là người biết nghĩ...

Nom bà Phán thực là thần Sầu Nảo hiện hình. Cái tuổi 46, 47 nào đã là cao già, mà hai mái tóc bà đã trắng xóa, nét mặt hồi sinh thời ông Phán, nước da hồng hào, hai má phình phình, người mà nay sạm ngắt rần rần... Mới gần 50 tuổi đầu mà đã biết bao thứ bệnh khổ đến ám ảnh, suốt ngày tháng, bà đứng lên thấy nặng trĩu trĩu hai ống cẳng như sắp rời ra, không buồn bước đi nữa.

Thu là con một nên ngay từ lúc ọc ọc bà tiếng chào đời đã được vợ chồng ông Phán cưng hết thảy bên nội, bên ngoại nằng nịu, quí báu như viên ngọc. Thu bơi húng háng hồ, hay hời ồm đầu là cả nhà đã náo động lên như sắp có đại-nạn tới nơi!

Kịp cho lúc lớn đến tuổi cấp sách đi học, bà Phán lo ngại cho sức khỏe của con tuy Thu khỏe,

ngang sức trẻ con Thổ-nhĩ-kỳ, nên cứ chần chừ mãi chẳng muốn rời con ra, lại thêm cái roi mây của ông thầy, sự chung đụng của trẻ con khác, biết bao nhiêu cái sợ hãi cho một người mẹ có chỉ một con đó. Thành ra Thu chỉ học chơi qua loa biết đại khái thôi, và trong nhà cũng đứ đứ, thừa ần. Có cần phải cho Thu đi tìm việc kiếm ăn đâu mà phải hao tâm hao lực học hành?

Việc lấy vợ cho Thu là một công việc tối quan trọng trong đời vợ chồng ông Phán. (Thu mới 16 tuổi đầu, mà vợ chồng ông Phán đã hết ngập nghề đám này, lại dóm đồ đám khác. Các chỗ quen thuộc, và nhiều nơi không quen thuộc mà có còn gái đều được: cái hân hạnh vợ chồng ông Phán sẵn sặc, hồi hạn đến cả.

Thế rồi Thu lấy vợ. Đám cưới ấy tất phải linh-dinh, cái đó không cần phải kể lại. Thế rồi Thu đẻ con! Nhưng Thu vẫn lần quất trong nhà, chưa hề được tiếp xúc với đời. Trước hết tại học không có, không thể rảnh rang nổi công việc gì. Sau nữa tuy Thu đã có vợ, có con rồi, nhưng ông Phán, bà Phán đã quen cái lệ sẵn sặc, nằng nịu Thu từ bao lâu, nên vẫn coi Thu như đứa trẻ lên ba, không muốn rời mình ra nửa phút. Ở cái thời đại quay cuồng này, biết bao nhiêu là điều đáng sợ hãi nó ần nấp chờ đợi Thu ở ngoài, vợ chồng ông Phán khi nào dám rời đứa con quí-báu ấy ra? Và lại nhà có thiếu ăn, thiếu mặc gì mà phải để cho Thu bôn ba,

khó nhọc. Đó là một điều lắm lỗi, ngày bà Phán đã gây ra cái nhân thì ngày nay phải chịu lấy cái quả vậy!

Kịp tới năm ngoài, một gia đình đang đông vui như thế, bỗng ông Phán bị bạo bệnh mà từ trần. Giờ thì bà Phán chỉ còn trông cậy vào con nữa thôi, để qua cái tuổi già. Bà đã tưởng đứa con được vợ chồng bà tận tụy nuôi nấng ấy, ngày nay đã khôn lớn, sẽ trả lại cho bà những ngày yên vui, mà trước kia bà đã phải tốn phí.

Nhưng vợ Thu nằng nặc quyết đòi ra ngoài doanh nghiệp, lại nghỉ ngơi trong chiếc tủ sắt đựng những văn tự, văn khế, thổ-trạch, cho đến giấy biến lai tiền họ kia, bà Phán còn giận nhiều-tiền bạc lắm. Vì thế mà gia đình đang yên vui, bỗng thành ra một cảnh địa ngục bà Phán ở cùng con cháu mà chẳng khác chi giữa kẻ cừu thù, nhất trong một năm trời nay!

Ba năm sau. Vợ chồng Thu đã ra ngoài doanh-nghiệp. Là vì bà Phán không chịu được nổi ư phiền, đã từ bỏ cái thế-giới này mà sang cái thế-giới khác theo ông Phán. Khi bà Phán thổ hơi cuối cùng, cả hai vợ chồng Thu đều cùng một lời thương xót:

— Họa chẳng từ đây mới rộng càng bay nhảy được!

Thì vợ chồng Thu từ đó bà hồ bay nhảy thực. Học đã không có, thức cũng lại không nết,

nên cả hai vợ chồng tuy một lòng hăng hái muốn đạt được tới đích, mà bước ra đời lần đầu, bỡ ngỡ, hết vấp phải sự thất bại này, đến sự thất bại kia.

Trước thì còn mấy chục mẫu ruộng ở nhà quê để chờ, sau đến nốt hai tòa nhà ở tỉnh. Cái óc của Thu luôn luôn quay cuồng về những sự thua lỗ, và những sự tìm kiếm phương kế để cứu vãn lại tình thế...

Rồi một bữa trời mưa. Thu ngồi thư ở nhà một người bạn,

— Bác Tân đó ư? Hôm nay đi làm xe tất lại gặp môn bóng nên mới sang nhà thế chứ gì?

Người kéo xe tên là Tân kia, sủa hai đồng xu ra bàn, vừa nói kỹ miếng chả vừa trong mâm là chuối, vừa đáp:

— Nào có bóng lộn gì đâu, đây là mua cho bà cháu. Thời thì cụ còn sống ngày nào sức cháu được bao nhiêu, có kiếm miếng ngon, lành để cụ xơi, nay mai cụ ăn xơi rồi, thì dù có vàng cũng chẳng một được cụ. Mà lúc ấy cháu dù sang giàu muốn có mẹ cũng chẳng sao có được...

Một câu nói mộc mạc, thành thực, ấy, bỗng như có cái sức mạnh thiêng liêng vô hình, chiếu sáng lên cả cái óc tối mù của Thu. Chẳng lẽ mẹ, như người vừa uống ngụm rượu cực mạnh, trong óc chẳng hình như một cơn đường mới mẻ, sáng quang rực rỡ làm cho chẳng

từ tâm hồn đến xác thịt đều chán nản, chẳng muốn nhúc nhích gì. Bên ngoài trời mưa càng nặng bội.

Bỗng một người đàn ông trạc độ ngoài ba mươi, nón lá rách, quần áo vải nâu cũng rách, nước da xám nắng bị những giọt mưa đập vào lạnh ngắt càng thêm tím bầm, ở đầu chạy đến ngoài hàng nhà bán hồ như hai xu chắt trau.

Người đàn bà bán hàng như đã quen biết người kia lúc đó liền khỏi hãi:

mắt quáng, lão đảo do dự chẳng dám bước vào... Ở trên con đường sáng lạn kia, bao nhiêu cái đau cực vợ chồng chẳng đã gây ra cho bà Phán trong một năm trời, lúc đó hình như viết thành những hàng chữ ón, tóm thuật lại hết không thiếu một việc gì...

Chống tay vào thành ghế tràng kỷ, trong lúc bên ngoài trời đổ tối, Thu bỗng thấy vật gì bóng hời hời từ từ chảy qua hai gò má!

NGỌC THỎ



Dưới mắt chúng tôi

Từ việc tổ chức thanh niên đến việc bãi trừ bệnh nghiện rượu

Trong bài diễn văn đọc vào mấy truyền thanh vừa rồi của Thống-chế Pétain quốc-rương Pháp có nói đến các phương-pháp cải tạo nước Pháp ngày nay và những công cuộc ích lợi lâu dài đã thực-hành ở Pháp.

Trong những công cuộc cải-cách đó ta nên chú ý nhất đến việc tổ-chức thanh-niên, việc cải-cách nền học-chính và việc bãi-trừ nạn nghiện-rượu trong nước Pháp.

Vì theo các điều-kiện đình-chiến, nước Pháp phải giải binh cả về thủy, lục, không-quân vì đó mà các thanh-niên Pháp ngày nay đến tuổi ra đầu quân sau khi bị giải binh sẽ không có công việc gì và nhiều người phải sa vào cảnh thất-nghiệp.

Quân đội Pháp trước kia hàng năm thu dụng biết bao là thanh-niên trường thành, đối với hàng vạn thanh-niên nay thành vô nghiệp đồ, chính-phủ phải tìm cách thu dụng ngay. Vì thế mà chính-phủ Pháp mới lập ra những đoàn thanh-niên để dùng số 80.000 thanh-niên về lớp thứ nhất năm 1940 và lớp thứ nhì năm 1939. Những đoàn thanh-niên này có người trông nom chỉ huy sẽ chung sống ở giữa 6 giờ mỗi năm 6 tháng sẽ làm 6 công-việc có ích lợi chung cho nước nhà. Ngoài ra các thanh-niên này lại luyện tập về thân thể và tinh-thần. Mục đích việc tổ-chức các đoàn thanh-niên này không phải là để luyện tập về võ bị mà cuối cùng để luyện về

tinh thần và đạo-dức trước khi họ ra đời. Báo « Le Temps » phê bình về công cuộc tổ-chức thanh niên đã viết: « Phải cho sự hành-dộng của thanh-niên có mục-dịch vọng, tưởng của họ có giới-hạn và tâm-hồn của họ có một tuyệt đích ». Tưởng đó là sự cần-thiết nhất cho thanh-niên vậy.

Ngoài việc tổ chức thanh-niên chính-phủ Pháp lại sản-sou đến việc cải-cách nền học-chính cho thêm thi-thức và việc trừ nạn nghiện-rượu là một cái nạn đã rất tai hại cho giống nòi Pháp.

Được tin này một vài tờ báo chữ Pháp ở đây đã tỏ vẻ rất hoan nghênh và tuyên bố rằng rượu đã thành kẻ thù số 1 ở Pháp.

Còn ở Đông-dương và các thuộc-địa khác của Pháp thì bao giờ nữa? phương pháp đó mới thi-hành?

Thanh-niên Việt-nam ta hiện nay một phần đông cũng vì sau khi từ giã trường học thành ra vô nghề nghiệp nên mới bị sa vào « ảnh hưởng và truy lạc ghê gớm. Ta đã thấy ở xứ này biết bao thanh-niên trong lúc đương thời đáng lẽ phải rất hăng hái, sôi sảng mà trái lại chỉ vì không có sinh kế hoặc vì những sự thất vọng còn con mà thành ra người ỳ ỳ, như nhươc mất hết nhuệ khí của tuổi thanh niên.

Rồi vì đó mà nhiều người sinh ra chán đời mơ mộng hoặc những kẻ có tiền thì sa vào sự chơi bời, nhậu dục, vào cảnh nghiện ngập.

Thêm chỉ có kẻ mới từ 20 đến 25 tuổi mà đã như những ông

già yếu ớt. Thật là một cảnh tượng rất đáng buồn và rất nguy hiểm cho nòi giống ta vậy.

Nguyên nhân cái thời bệnh này cũng chỉ là tại đời sống của thanh niên ta không có chủ đích không có hy vọng.

Còn về nạn nghiện-rượu thì hình như đối với xã hội này không phải là một cái hại lớn nhưng cũng không phải là không nguy hiểm.

Từ thành-thị đến thôn quê đâu đâu số rượu tiêu thụ cũng càng nhiều càng mạnh thêm, nhất là các thứ rượu ở xứ này lại giá rẻ ai cũng có thể mua dùng được.

Chúng tôi mong rằng những phương pháp tổ chức những thanh niên và sắc lệnh trừ nạn nghiện-rượu ở Pháp, chính phủ cũng đem thi-hành ngay ở xứ này thì sẽ là một sự may-mắn cho thanh niên Việt nam vậy.

Sư bà Ngạch chùa Yên-lạc chỉ kém bà Quan âm thị Kính có một bậc

Một câu chuyện — lại chuyện nhà sư — đã làm cho dư luận các chốn thiền môn xứ Bắc và hội Phật-giáo Bắc kỳ rất sôi nổi đó là chuyện sư Hà-thị Ngạch năm nay xuân xanh mới độ 32, 33 tuổi, người trông hầu bệch xinh xắn (đúng như lời tả của các bạn đồng nghiệp hàng ngày) đã thụ thai và đến kỳ mãn nguyệt khai hoa, đã phát bồ đề tâm đến năm dưỡng sản ở nhà thương tỉnh lý tỉnh Hưng yên.

Thực là người tu hành có khác, sư bà Hà thị Ngạch thực thì có một. Sau khi sinh nở đã xong, sư bà khai đũa con gái bà hứa cho ra đời không phải là không có bố mà đó là con tên P. Tn.

Chắc trong lúc trụ trì tại chùa làng Yên-lạc, phủ Khoái châu, sư bà một người xuất gia từ

năm lên sáu tuổi không những đã có lòng chân tu lại còn là người rất có đức độ, từ lúc năm lên sáu năm dưỡng sản tại nhà thương, các tiền, vãi và ni-cô đều đến chăm nom, săn sóc và có vẻ kính cẩn một câu « Bạch sư bà... » hai câu « Bạch sư bà... ».

Lại còn một hành động nữa của sư bà Ngạch cũng rất là có ý nghĩa: sau khi sinh nở mẹ tròn con vuông rồi sư bà cùng các tiền, vãi lại ủng dung theo đuổi việc tu hành, còn đũa con gái vì bố nó không nhận nên sư bà đã gửi lại bà đỡ dặn hễ ai xin thì cho!

Nghề chuyện này, những người mộ đạo Phật rất xôn xao, bàn tán và cử chỉ của sư bà Ngạch. Người ta đã chê sư bà sao đã tu hành mà vẫn chưa diệt dục, vẫn còn có chứa và sinh con.

Kiểm duyệt bô

Ngày xưa bà thị-Kính cũng nhận là có con, lại nuôi cả con thế mà vẫn giắc lòng tu-hành và lúc chết vẫn được thành đức Quan Âm hiện nay trong các chùa chiền được đặc tượng và thờ phụng vào với đức Thích-Ca và cả bậc chân tu khác.

Dẫu ngày nay theo trong chuyện thì bà thị-Kính đã bị con thị-Mầu vu cáo, mặc cái oan tày trời nên lúc bị đem ra tra-tấn bà vì từ tâm phải nhận liêu.

Nhưng đối với sư bà Ngạch ta cũng có thể nói là sư bà đã bị tên Th. kia quyến rũ làm cho sư bà phải tạm sa đắm vào bị dục tình, chứ nào sư bà có tội gì dân và cũng không phạm giới của nhà Phật.

Đáng lẽ sau khi đẻ con, sư bà Ngạch có việc đem con về chùa

nuôi nấng như bà Quan âm thị-Kính trước kia mới phải.

Sư bà Hà-thị-Ngạch có kém thị-Kính là chỉ kém ở chỗ đó!

Giữa lúc này những ai viết báo tường nên cần thận!

Vừa rồi các bạn đồng-nghiệp trong Nam có đăng tin về một vụ kiện báo giới có thể cho là rất lạ vì từ trước chưa thấy xảy ra bao giờ. Theo tin báo « Impartial » mà báo « Effort » đã trích đăng lại thì M. Jean Faget chủ nhiệm báo « Opinion » đã bị tòa án truy tố về tội đã tự tiện chữa thi giới về một tiếng động từ trong một bức điện-tu ở Pháp gửi sang mà báo đó đã đăng.

Trước tòa M. Faget đã khai là vì muốn được đăng đúng sự thực theo những việc cuối cùng

đã xảy ra nên ông mới chữa thi giới trong tiếng động từ.

Luật sư bênh vực cho bị cáo cũng nói là việc sửa đổi đó chỉ quan hệ về mặt chữ Pháp chứ không có gì là hại cả.

Tuy trong vụ này ông chủ nhiệm báo « Opinion », được tòa ha cho trắng án nhưng chỉ một việc ông bị truy tố về một tội bất ngờ như thế cũng đủ tỏ cho các nhà làm báo biết là giữa lúc này luật pháp đối với việc thông tin nghiêm trang là thế nào. Đó thực là một bài học hay cho những bạn đồng-nghiệp thường hay có lối « phóng đại » những tin nhỏ xu thành những tin quan hệ, để cho báo chạy thêm được ít số hoặc được những « tin vịt » chỉ có trong óc tưởng tượng của họ.

Các bạn viết báo tày lẹ càng nên cần thận về việc dùng thi giới trong các chữ động từ! T.

Các ngài sẽ thấy mắt mờ và khoan khoái...

sau khi uống một chén chè ĐÔNG-LƯƠNG chè QUAN ÂM chè KIM-KHÁNH là các thứ chè nội hóa ngon đã có tiếng giữa về mỹ thuật



ĐÔNG-LƯƠNG
Số 12 HANG-NGANG-HANOI

Cô Tư Hồng

Của HỒNG-PHONG
Tranh vẽ của MANH-QUYNH
(Tiếp theo)

XXI

Một vài việc làm tỏ ra người có thủ-đoạn chẳng vừa

Một đoạn trên kia, đã bày ra cô Tư-Hồng là nhà buôn-bán có thủ-đoạn khôn ngoan quý-ýệt ra thế nào.

Đây, một vài việc làm, một vài dật-sự, tùy theo trí nhớ và kiến văn góp được, để các ngài thêm rõ ít nhiều cạnh khác của đời người dân bà này, đã được tiếng nhất-thời là « Nữ trung hảo nữ ».

Cứu một người khỏi ở tù vì cụ Trạng-Trinh

Ngoài vòng buôn bán, cô Tư quảng-giao với nhiều giới tây nam trong yếu. Có lần cửa ngõ thăm nghiêm, không phải ai muốn ra vào cũng được, cô đến bất cứ giờ nào, nó tự mở ra.

Nhiều người có việc, chạy đến cầu cạnh cô lo toan vận-dộng cho. Vì họ biết cô mát tay chạy việc, rộng giao thiệp, có thanh-thế, nhiều hy-vọng tất thắng.

Rồi thì kiện tụng, công danh, họa phúc bỏ bán, việc gì cũng có người ta đến gõ cửa nhà cô.

Mà thật, lắm người nhờ cô giúp đỡ xong việc.

Thầy phó tổng Ngọc-lữ ở Hansm bị liên can vào một việc ăn cướp, đáng lẽ vừa mất chức vừa ở tù, cô đi kêu cầu dùm cho thầy được khỏi tù lại được tự mình tự dịch.

Kiểm duyệt bỏ

Đại khái mấy việc lật vạt như thế, cô chỉ làm ơn lấy tiếng, chứ không đòi công. Có lẽ vì nề sự-chủ là người đồng quận. Nhưng cô xoi bằm với những việc mưu-vọng to-lát và khó-khăn, như việc công danh bỏ bán chẳng hạn.

Xuýt nữa bị một ông kỹ-sư bán chết

Sau khi quan tư G. về Tây (1903), cô Tư ở độc-hàn đầu được một cô. Mắt xanh chẳng để ai vào, ý chừng còn đợi kén gái-lẽ, vì lúc này thật tượng của cô cũng thẳng lắm rồi, có thể tự lấy chồng hơn là chờ chồng lấy.

Vào khoảng đầu năm 1905, do một ông tây quen giới thiệu, cô làm bạn với một vị kỹ-sư chuyên khoa kiến-trúc, mới ở Âu-châu sang được ít lâu.

Một hôm đã ném hai con chim, cô vừa lấy chồng, vừa lấy được người cho mình có trụ gọi là để giúp đỡ giấy má tờ sách; nhất là mình đang buôn bán to lớn, không thiếu gì kẻ cạ-nghe dùm nom.

Thật, tân-lang giúp ích cho cô Tư không phải là ít.

Vừa gặp lúc cô mua được một khu đất ở phố Phủ-Đoãn, gần với trại của cụ Quận Hoàng, chính ông kỹ-sư trở tài về kiều, rồi lại đứng ra đốc công, xây dựng lên được dãy nhà ba tầng quay mặt về đường Richard để cho tây thuê. Đồng-thời làm nên tòa nhà ở ngõ Hội-vũ trên miếng đất rộng rãi và có vẻ nguy nga so với thứ-thời.

Cuối năm 1906, nhà này khánh-thành, ông bà từ phố Cửa-Đông dọn về ở đây.

Nhưng mà nhà mới quen cũng thô-thần hay sao không biết, qua năm 1907, hai người tự-nhiên gây ra nhiều chuyện xung khắc về ính-tình và quyền-lợi. Không mấy ngày không diễn một lần kịch xô-xát cãi cọ nhau dáo dít.

Đến nỗi cô Tư không chịu được, phải bỏ nhà đào tẩu vào Huế tránh mặt; ông kỹ-sư không biết là bà đã đi đâu.

Trong chuyện xung-dột này tất có nguyên-nhân quan-hệ, hay những khúc-nhối bí-mật.

Mỗi người bần mọt thuyết.

Có người bảo rằng từ cô Tư nhà mình hay « cảm sùng » tui tui trên cái đầu búi của lang-

quân, khiến lang-quân phải nổi ghen phát cáu, thua động cả gia-dinh.

Có người nói ông kỹ-sư đã góp công lao rất nhiều trong cuộc doanh-nghiệp của cô Tư càng ngày càng phát thêm. Nhất là việc tạo-lập dãy nhà chín ngả ba tầng ở phố Richard, không những ông vẽ kiểu đốc công mà thôi, hình như có bỏ vốn chừng phần nửa. Mà ông cả tin, chẳng làm giấy tờ gì, cứ để cô Tư đứng tên hoàn toàn làm chủ, nay có giữ mặt sao đó, khiến ông phải tiếc công tiếc của, gây nên bất hòa ở giữa hai người.

Để thường cái thuyết sau có lẽ đáng.

Chẳng thế, thì sao cô Tư trước khi tránh mặt vào Huế, lại khéo sắp đặt cẩn-thận và lằng-lặng ra xin tòa án thị-chứng cho mình làm giấy tờ đúng luật, giao tất của nhà cơ-nghiệp cho ông cụ thân-sinh và cậu em giai — con người đi ghê, ục này đã nhơn, — việc xong dần dần rồi mới đáp tâu lai kinh.

Sau khi cô Tư đi rồi, ông kỹ-sư dò bết như thế, càng giận dỗi gan ra mặt, mau mau dọn cả rương hòm vật-dụng của mình ra ở trọ Hanoi Hôtel, không thèm lui tới nhà ngõ Hội-vũ nữa. Nhưng ông vẫn rình hòm nào cô Tư về, ông sẽ đến nói chuyện mới phen.

Hơn một tháng sau, cô Tư mới về Hà-nội, nhưng tối ngày chỉ nằm ru-rú trong một gian phòng kín trên gác, không thoắt mặt xuống dưới, không tiếp khách, cũng không dám bước chân ra khỏi cửa đi đâu. Vì cô biết ông kỹ-sư bần-tính hung tợn lắm.

Quả nhiên một hôm, vào khoảng bốn năm giờ chiều, ông treo công vào, một tay cầm súng lục hàm hũ, một tay xô lặc rầm rầm, định phá cửa dưới nhà để lên trên gác tìm cho kỹ được cô Tư.

Gia-nhân sợ chạy tán loạn.

Ông cụ phó-cụ — hồi này rồi mới sắp được Hàn-lâm Thị-độc — đang thơ thẩn xem hoa ngoài vườn, vội vàng chạy vào ôm chặt lấy ngang lưng ông kỹ-sư, không còn bết sợ nguy hiểm là gì và mặc dầu sức yếu của lão già đã ngoại-tuổi cõ-hi khá xa.

Cũng may ông kỹ-sư đã hạ bớt cơn nóng tự biết mình cầm khi-giới đột nhập nhân-gia thế này là có lỗi, nên ông quăng khẩu súng đi. Bấy giờ cụ phó-cụ mới buông ông ra và cô Tư mới dám ra đứng trên ban-công nói chỗ xuống.

Hai người xi xô tiếng tây một lát, thò ông kỹ-sư nuốt lấy khẩu súng, ung dung đi ra.

Họ đã điều-dinh và nói chuyện với nhau lúc ấy những gì, người ngoại-cuộc không ai được

rõ. Chỉ biết là mấy hôm sau việc ra đến tòa án hòa giải. Kết quả, cô Tư phải nộp tại tòa sáu ngàn đồng bạc, để trả công khó của ông kỹ-sư đã vẽ kiểu và trông coi làm nhà cho cô bấy lâu. Thế rồi ông từ giả Hanoi vào làm trong Nam-kỳ. Cô Tư mới được yên trí buôn bán làm ăn, không phải trốn tránh lo ngại gì nữa.

Cầu danh cho bố, và mua đồ để bề bán

Chính lúc cô Tư Huế tránh mặt ông kỹ-sư là lúc mưu cầu công danh chút đỉnh cho ông bố già hủ lòng. Thì ra những hạng con buôn lỏi đời không chịu để trôi qua một thời giờ nào mà họ không khéo lợi-dụng.

Nhờ cuộc vận-dộng trong thời-kỳ này, mà sang năm 1908, ông phó-cụ được đặc cách thưởng thụ Hàn-lâm Thị-độc.

Hơn một tháng trước ở kinh, giao-hiệp « ễn hao chắc không phải ít, cô Tư nghĩ cách cố vơn lại: mua đồ để bề bán.

Lạ gì thứ buôn này mua một bán trăm.

Chuyến về, cô chờ theo mấy xe đồ để đi sưu-tầm được ở kinh, nào áo chén bà đĩa, nào đôn, chậu, độc-bình, bày bất kỳ phòng khách lớn trong nhà ngõ Hội-vũ. Tiếng là bày chơi, nhưng các quan-khách tây nam lại xem, thích món nọ mà tã được giá bởi thì chủ-nhân bán ngay.

Một cái thống men chàm, cao 1 thước 20 phân tây, rộng thước 6, chấm bát tiền, bán được 500 đồng. Có đồ lọ cao độ 8 tấc, một cái chầm 1 ý-thiết-Quai, một cái Hà-tiên-Cổ, gặp một người Tân thích-vý nài mua với giá 700 đồng mà chủ-nhân còn làm bộ chưa muốn bán.

Nhà có nổi tiếng nhiều đồ cổ ở Hà-thành.

Luôn 12 năm bán hết hai phần ba, còn lại một phần nữa, sau năm 1921, chủ-nhân qua đời rồi, người ta đem bán ở Tầm-lưu với giá rất rẻ.

Cưới vợ cho anh chàng cũ

Trong lúc cô Tư treo lên thang giàu có hết bạc này đến bạc kia và khét tiếng trong xã-hội ăn chơi hoa-lệ, thì người chỉ về con đường doanh-thương trực lợi cho cô ngày nào, đang lang thang như thằng ốm đói ở bến tàu Hải-phong.

Hắn các ngài đoán ngay ra chủ Hồng, không cần phải suy nghĩ.

Nhưng chủ Hồng đã về vợ trốn đi kia mà?

Đáng lẽ một người khá h-trú phạm tội mà bị trục xuất cảnh ngoại, hay buôn bán về quê mà bỏ trốn đi, không được phân-minh, nữa trường hợp chủ Hồng thì không ở qua xứ Đông-dương

này nữa. Có lẽ làm liều đổi hẳn tên họ căn cước rồi trả trộn mớ sang, cuội lần tay cảnh sát tàn-đạo cũng khám phá ra được. Nhưng ở thời kỳ ba bốn chục năm trước, việc trông coi ngoại-khu, nhà nước Bảo-hộ mới nhất-sơ tổ chức, chưa nghiêm-nật chu-đáo như bây giờ. Thành ra chủ Hồng lại sung Hải-phòng lúc nào không bị phiền-nhiệm gì cả. Nhất là chủ có thể mạo-xung là người bán-xu mà không ai dám ngờ, nếu như cái me cái dúi dưới lông thông sau lưng đi, vì chủ nói tiếng annam lâu cả lắm, các ngài đã rõ.

Hôm ấy, đầu năm 1906, có Tư xuống Hải-phòng thương thuyết và ký hợp-đồng với một hãng lấy về vụ bán gạo bắp, nhân tiện ra bến tàu để tiễn chân một ông nhân tình về Pháp.

Bỗng dưng có giết nảy mình, khi thấy một chú khách đang đứng ở bực cuội đôi tầng thúng than xuống tàu, tay áo quần kiết cấu bốn thia, nhưng mà mặt mũi hình dạng sao giống chủ Hồng như đúc.

Quả thật chủ Hồng.

Cuộc gặp gỡ bất ngờ, thói thì rồi hẳn huyền, chuyện xa gần, thiếu dẫu.

Thật ra, sau lúc ở Hải-phong trốn về quê nhà, có chút ít ruộng đất ở đồng nghiệp, chủ đoạn mai cho người ta được mấy trăm bạc đem lên Phúc-châu mở hiệu. Nhưng chỉ được ít lâu, lại buồn thua bán lỗ, tổng-sạch vốn liếng. Chủ nhai lăm bấu đôi rết ở Phúc-châu, đã hai ba phen định quyền sinh mà không chết.

Máy gặp người bạn cũ là ông chủ hiệu Hàng-hóa ở Phòng về thăm nhà ở Phố-châu, thấy tình cảnh chủ Hồng nghèo đói nên thương, bèn đem chủ trở sang Phòng, cho đứng trông coi chân than của hiệu ở bến tàu. Mỗi khi có tàu về ăn than thì phải đứng ở đôn phụ dài-lái. Chủ sang làm công việc ấy đã hai năm rày.

Thật sự, chủ vẫn biết tiếng có Tư đã làm nên giàu có sang trọng, nhưng nghĩ thực mình, nên không dám lán la thăm hỏi.

Có Tư lòng rộng và nghĩa cử tình xưa, không nề trông thấy cố-nhân trụ-lạc, niệm nỗi irao tay cho chú mới chực bực, bảo sắm bánh trái hôm nào lên Hanoi chơi.

Tuần lễ sau, chủ Hồng lên.

Có Tư tiếp đãi tử tế, cho chủ mộp tiền về cưới một chị vợ ở-nam, rồi lại cấp vốn cho hai vợ chồng buôn bán.

Lúc này có Tư đang làm bạn với ông kỹ-sư kiến-trúc và xây tòa nhà ở ngõ Hội-vũ vừa xong.

Về sau, vợ chồng chủ Hồng sinh-bà bai đưa con trai mồm mím, dễ thương. Hàng năm, hai người lại dẫn con về Hanoi ở chơi trong nhà có Tư ít ngày. Có quý hóa hai đứa bé, thường gửi quà bánh và may quần áo cho.

Nói nôm đi cho rồi, tôi lại sau chủ Hồng già yếu, đem cả vợ con về Tàu, có Tư tặng cho vài trăm bạc làm lộ phí.

« Một me tây đối với anh chồng cũ như thế, kìa cũng hậu-tình », ấy là tiếng khen của những người đồng thời biết rõ chuyện này.

Sau bố đẻ Hàn-lam, tôi cha nuôi Tuân-phủ

Một đoạn trên đã nói, hồi năm 1911, một thân-sinh ra có Tư, tức là cụ hàm Thi-độc — mà nhà danh-sĩ Trần-tán-Bình đã khéo gò gắm đối ba chữ « bầm cụ lớn » với « của bà to » — qua đời ở Thành-thị. Có Tư mới được cụ Tuân-phủ hưu trí Nguyễn Nhĩ ở làng Mọc về tận Hà-nam làm lễ để chủ long-trong.

Sau đám ma bố đẻ rồi, có Tư xin làm con nuôi cụ tuân Nhĩ.

Cái đời sĩ hoạn của ông cụ này cũng lạ: từ chân thông-lại xuất thân mà leo mãi đến ngôi đường quan một tỉnh.

Nguyên là con nhà nghèo, ông cụ cụ được làm một chân tịch-sĩ để kiếm ăn. Tịch-sĩ tức là anh nho, làm phụ giấy má cho các thầy thông, thầy đề. Năm Tự-đức 16, được bổ chân thông-lại huyện Phú-xuyén ít lâu, thăng để-lại huyện Thọ-xương, huyện sở-lại Hanoi.

Không hiểu vì có công lao gì, hay chỉ nhờ tác-quốc gia-da-sư, năm Đồng-khánh nguyên-niên, chính thầy để-lại Thọ-xương được lên thực-thụ tri-huyện huyện ấy,



Ông sửa sang lại chùa Đồng-quang — tức chùa ở Thái-hà bây giờ — và bốc hơ ra vạn ngôi mộ vô chủ ở hoàn — thành Hanoi đem về an-tàng ở nghĩa-địa, bên chùa Đồng — quang. Việc phúc đức ấy đưa ông lên chức án-sát Hanoi hai ba năm sau.

Qua triều Thành — thái, có công tiểu — trừ loạn đảng Văn-thân, bắt được Lãnh — Trinh ở Bắc — ninh và chém dụ nhiều bộ-hạ Văn-thân ra thú.

Nhờ công ấy, năm Thành-thái 16 được thăng chức tuần — phủ Bắc-giang, sau 2 năm thăng Tổng-đốc — hưu trí.

Sinh-bình làm quan có tiếng thanh — liêm, không thừa thời làm giàu như ai,

cho nên lúc về hưu ở Mọc, nghèo rớt mồng tơi.

Người ta nói có Tư Hồng cảm lòng tử tế của ông về Hà-nam để-chủ cho thân-phụ mình mà không chịu nhận lễ là gì hết (theo thường lệ, bao nhiêu đồ bài trị trong trạm của nhà tang, đều về phần quan để-chủ được lấy, ngoài ra, còn phải trả một số tiền), nên khi đám tang vừa xong, có đưa cả cụ em gái cùng về làng Mọc, bài yết từ-đường nhà ông tuân và lấy ông, x' n nhân làm con nuôi.

Từ đây, có chám nom sự sống của ông nghĩa-phụ rất tử tế. Tuân nào có cũng thăng xe ngựa từ Hanoi về đến đình Hội-xuân làng Mọc, đem vật-thực về cho ông tuân và cấp dưỡng tiền bạc luôn luôn.

Năm vô đề Liên-mạc, nước Tân-nghệ cấp cả một vùng Hà-dông cho đến ở cho Dừa. Có Tư các-cô, đem của nhà một chiếc xanh đồng và một chiếc chân than

đồng thật to, để thả làm thuyền, vào Mọc đón cha nuôi ra Hanoi chạy lụt.

Lúc trở ra, gặp nước xoáy mạnh, chèo đồng cứ quay tròn, tên gia-dinh không sao hãm được, phò mặc trôi theo gýng nước. Hai bố con nuôi ngồi trên chèo đồng ấy. Miếng có Tư nào có vira gì, kêu cứu rầu trời mà không ai ra cứu. May phúc lộc sao, chèo đồng trôi đến ngã-tư Sở thì vướng vào cái cọc, có Tư và ông tuân Nhì mới thoát chết.

Nhưng nước đánh trôi mất hòm sắc của ông.

Cách mấy năm sau, ông tạ thế, có nghĩa-nữ làm lễ an-tàng rất to và thức-chế ba năm, coi như bố-trước vậy.

(Còn nữa)

HỒNG-PHONG

Các hiệu sách, các nhà buôn ở Bắc-kỳ nên chú-ý

XUỐNG LÀM ĐỒ CHƠI
MẠNH - QUYNH

mới thành lập tại làng Đình-băng Bắc ninh

Giám đốc:
NGÔ-MẠNH-QUYNH

Quản lý:
NGUYỄN-PHU-CÂN

ĐỒ CHƠI MỚI KIỂU MẠNH-QUYNH

Lần đầu tiên xuống chế tạo các đồ chơi mới xuất hiện tại đây — Từ nay các bậc phụ huynh sở yển tri rằng các con em mình đã có những thứ đồ chơi mới đẹp, rẻ tiền và nhất là bổ ích cho trí óc của chúng

ĐỒ CHƠI MẠNH-QUYNH

Sẽ đem lại nhiều sự vui thích và giúp ích cho trí sáng kiến của các trẻ em, sẽ là một sự tiến bộ trong kỷ nghệ làm đồ chơi — Các bậc phụ huynh biết sản số đến sự giáo dục các con em bao giờ cũng lựa chọn các thân mọt thứ đồ chơi khi định mua cho chúng, vì đồ chơi rất có ảnh hưởng đến nhi-động giáo-dục — Các trẻ em muốn trở nên thông minh hoạt-động, có óc tìm tòi sáng kiến, hãy giải trí bằng những đồ chơi Mạnh-quỳnh.

Về địa chỉ Trang-thu, lễ Noel và lễ Nguyên-đán sắp tới, các hiệu sách các nhà buôn mua mùa xuân, xem mặt đồ chơi, xin viết thư ngay cho:

M. NGÔ - MẠNH - QUYNH

36 - B1 Henri d'Orléans - HANOI

Đông Lành

VAN-LỊCH

H của LAN-KHAI — tranh vẽ của NGUYỄN-HUYỀN

Ngày xưa, có một anh lái buôn giàu xu, tên gọi là Van-Lịch.

Nghề đời, một khi trong tay đã sẵn đồng tiền, người ta hay nghĩ đến sự đổi thay. Và, cái mà Van Lịch tính thay trước nhất lại chính là vợ anh, người vợ mộc-mạc, lấy anh từ lúc anh còn có hàn, người vợ chỉ có độc một tội: hơi xau.

Cái ráp-tâm của Van Lịch chỉ còn chờ một cơ hội.

Thì đây, dịp may đã đến.

Nguyên một buổi chiều đông, thuyền Van Lịch đổ lại ở bên một đám lau già mọc lan xuống lợi nước, sương mù nhẹ tỏa trên mặt sông, Van Lịch ngồi tĩnh số trong thuyền. Chỉ vợ cặm cùi và chiếc áo bông dày khoảng lải. Bỗng tiếng nước động lồm bồm làm chị ta ngừng đầu: một người đàn ông gầy còm, trần truột, đương lom khom đánh giấm. Một cơn gió lạnh thoảng vào khoang thuyền. Vợ Van Lịch rùng mình. Một ý nghĩ từ bị chợt nảy ra trong óc chị: người đàn ông nghèo khổ kia chịu sao nổi với rét mướt, một khi chính chị còn lạnh thấu xương dù đã mặc bao nhiêu là áo mền, áo dup.

Chỉ chẳng nghĩ vậy liền gờ đầu ra ngoài, nhưng chưa kịp nói sao. Người đàn ông là một lúc ấy cũng chợt ngừng trông lên. Đôi mắt sáng, vòm trán cao, cặp môi dày tuy sẫm lại vì rét, mà vẫn tươi, khiến người đàn bà phác hậu này ái ngại. Chị ta chọn trong đồng áo mền cũ một chiếc áo bông ngắn đưa cho anh chàng.

— Nay, bác hãy mặc tạm cái áo này kéo rét.

Anh chàng đánh giấm ngạc nhiên và cảm động. Anh ta vẫy bàn tay ướt, đỡ lấy cái áo và nói mấy lời cảm tạ.

— Có gì mà bác nói ơn với huê. Người ta giúp nhau chẳng qua đồng lân mà thôi.

Hai người còn đang nói thì Van Lịch đã thò đầu ra. Một tia sáng chạy qua cặp mắt voi tí ti. Hắn tái sắc mặt gầm lên: — À, đồ voi giầy. Tao chỉ ngồi cách có mấy gang tay mà mày dám ông-nhien nói chuyện với trai thì dào dề thật!

Rồi y nhất định lăm ra to việc và, kết cục, đuổi người vợ xuống bên sông vắng, hạ lệnh cho chèo sào dây thuyền đi.

Trong lúc người đàn bà đang thương kia kêu trời gọi đất để

tỏ nỗi oan thì chủ lái buôn tìm-tìm cười thầm với cái hình ảnh một con kỹ-nữ yếu đuối hiện mờ-mờ trước mắt.

Giấm chồng đen bạc, người đàn bà, sau khi đã khước bỏ nỗi oán-hờn, cười nhạt và bảo anh chàng đánh giấm đương ngồi xổm, như một kẻ vô-tình phạm phải tội thái-ác:

— Nay bác, việc xảy ra, bác đừng buồn. Tôi đã hiểu ý chồng tôi muốn xoay lòng đời dạ từ lâu. Cái việc tôi cho bác áo chỉ là một cớ để hẳn làm toại ý riêng xưa thôi. Ta có nghĩ ngợi buồn-rầu cũng vô-lực. Nhưng, bây giờ, cơ sự đã đến thế này, thôi thì ta lấy nhau vậy. Biết đâu chẳng phải ý trời sắp đặt.

Hai người, từ đây, thành vợ chồng. Anh đánh giấm ngày ngày ra bến sông mò cá, chị vợ ở nhà làm các việc vặt vãnh. Trong túp lều nhỏ bé ở bên sông, bắt đầu có một chút ấm áp của tình-yêu.

Một hôm, anh đánh giấm, theo thói quen báo, đi nghề vào rừng kiếm củi. Lúc trở về, anh ta nghèo-nghen đem theo một cây quế ở trên núi. Chị vợ mừng quỳnh, lập tức cắt thành từng thanh vuông-

vắn đem ra chợ bán. Số tiền thu được có tới chừng dăm chục quan tiền. Gia-đình anh đánh giấm từ nay đã có chút vốn để buôn bán sinh-nhai.

Tuy thế anh tiểu-phu không nỡ bỏ ngay cái nghề mới nó đã cho anh sự may-mắn lạ lùng. Anh vẫn vào rừng kiếm củi. Mỗi lần đi thường đem cả cơm nước theo đi.

lĩnh dậy thì đầu óc hãy còn choáng váng hơi men nên cứ thẩn đường về, quên khuấy việc dựng dựng hôn ông tượng. Rồi luôn-mấy ngày sau, anh tiểu-phu bận việc, không vào chỉ đến rừng.

Sự đăng-trí còn con ấy, không ngờ đã lăm động cả một khu rừng và phiên phiên đến giằng-gàn-nắm của ông vua năm

hèn-làm chỉ được mà nói liêu-liêu! Anh tiểu-phu mỉm cười rồi đáp: « Nhà không biết, hôn ông tượng ấy là ban thần của ta. Ta đã mời các ông năm xuống được thì nay ta xin các ông đứng lên hẳn cũng chẳng khó khăn!» Quả nhiên anh chàng tuổi trẻ lăm được như lời. Tối kỳ thu ăn, anh ta hỏi vợ xem nên xin gì. Vợ khuyên



Khu rừng ấy, không ngờ lại chính là một khu rừng cấm, trong đó có một ngôi mộ của một ông vua. Quanh bốn góc ngôi nhà, người ta xây bốn ông phỗng rất đẹp đứng hầu. Anh tiểu-phu thấy hay liền giữ cơm rượu ra mời-mộc từng ông một y như mới ban thạt. Ăn xong, anh ngã luôn bốn ông xuống sập đã đề cũng anh đánh một giấc ngủ trưa, chừng khi nào ra về, anh mới lại dựng đứng cả lên như cũ. Nhưng, một hôm lúc anh ta

dưới ngôi cò mồ. Triều-đình xét thấy căn-quyền, sai lính vào dựng bốn ông tượng đặt lên chỗ cũ. Ô lạ! sao mà nặng thế! Bao nhiêu binh sĩ túm nhau khiêng mà các ông tượng đã vắn từ không chuyển.

Cùng đường, triều-đình phải xuống dụ xem ai có cách gì gọi được bốn ông tượng đứng lên thì người ấy muốn xin một đặc ân gì cũng cho. Tin đến tai anh chàng kiếm củi. Chàng ta tức khắc nhận cuộc. Vợ lo lắng bảo chồng: — « Minh tái

hồng nên xin một chức kiếm soát thuyền buôn đi lại trên các mặt sông.

— Thế là, một bước, vợ chồng anh tiểu-phu trở nên sang cả.

Và, cõi đời, thực ra, chẳng rộng lớn gì nên người ta, dù cố ý xa nhau mà rồi luôn quần lại vẫn gặp nhau. Van-lịch, sau khi đã được người vợ què mua, lấy làm đặc sặc lắm. Y cho đây đó chèo thuyền một mạch đến chỗ nhân tình ở rồi cười ngay có kỹ-nữ. Chàng

ngờ cái ngày mà hẳn được toại ý lại chính là cái ngày mà cơ nghiệp hẳn bắt đầu tan tành. Nghĩ ngợi, phùng phì một độ lâu, hẳn đành phải xếp gánh xuống thuyền để đi tìm thêm tiền của về tiêu. Một hôm, qua đôn, Vạn-lich cho người cầm gậy lên trình. Bà lớn đón mừng rồi gặp dịp may để bảo thù người cũ bèn xin quan ông bắt chủ thuyền phải thân lên trình giấy mấy được đi.

Giấy phút gặp gỡ mới rắc rối làm sao! Vạn-lich khâm nể vào tới công đường, đầu không dám ngừng lên vì y đoán trong sự bất buộc phải thân lên trình giấy có một cái gì không hay cho y. Bỗng, một giọng nói cất lên, sang sảng,

hách dịch nhưng mà không lạ. Vạn-lich khẽ liếc trông, thì kìa:

Phải rằng nằng quáng đến lòa,
Người trên thêm đồ chính là người xưa!

Vạn-lich choáng váng vì không ngờ rồi thế mà vô hô thẹn. Hắn quay phắt trở ra, gieo luôn mình xuống sông từ từ. Người vợ hồi lại, bèn xin

phép chèo mui xuống thuyền ma chay cho chồng cũ. Phí tiền hết bao nhiêu trừ đi, của cải của Vạn-lich còn chừng nào, chỉ ta đồn cả lại đức thành một thứ tiền đồng tức là tiền Vạn-lich, để ghi một đoạn tình sử nào nùng:

Đồng tiền Vạn-lich thích bốn chữ vàng,

Công em ăn ở với chàng đã lâu.

Đã không tình trước nghĩa sau,

Bạc đen hẳn có trên đầu xé soi.

Giòng sông nước lãng-lờ trôi,

Mà thiên trường nước muôn đời còn ghi.

LAN KHAI

TRUNG BẮC CHỦ - NHẬT TẠI CÁC TỈNH

Trung Bắc Chủ Nhật lúc nào cũng muốn đem những cái hay và cái đẹp để làm vui lòng độc giả. Vì lâu nay được độc giả ở khắp nước hoan nghênh. Những nhà đại lý của T.B.C.N viết thư và đánh điện tin về lấy thêm báo rất nhiều, chúng tôi rất lấy làm tiếc đôi khi không đủ báo gửi để đáp ứng tình các báo.

Mỗi một ngày báo gửi đến thì như một ngày hội ở tỉnh xa đây là nhà đại lý của T. B. C. N. ở Vinh do ông Yên Sơn quản lý.



Các bạn thấy gì? Toàn là T. B. C. N. và quảng cáo của nhà đại lý dân để cho người ta lý đến mà mua báo. Thật là một cảnh báo chỉ hoạt động rất nên thơ. T. B. C. N. không biết lấy gì để cầm tạ tấm lòng của độc giả, chỉ xin đem hết một tấm lòng ra làm việc để cho T. B. C. N. mỗi ngày mỗi mới và đẹp thêm. Làm chừng cho lời nói đó, chúng tôi đã sửa soạn một số báo đặc biệt:

SỐ TRUNG - THU

MỘT SỐ BÁO ĐẶC BIỆT MÀ ĐỘC GIẢ SẼ KHÔNG THẬT VỌNG

Cuộc Au-chiến có thể kết liễu trong năm 1940 chẳng?

(Tiếp theo trang 3)

Về phương diện ngoại giao và kinh tế, các nước đang đối đầu với nhau trong cuộc chiến-tranh cũng rất hoạt động. Nước Anh thì một mặt vẫn đồng với Hoa kỳ để được chính phủ Hoa thịnh đốn giúp đỡ cho về khí cụ chiến-tranh nhất là phi-co. Gần đây ở Mỹ lại có phong trào cổ-dộng cho Hoa kỳ nhượng một đội diệt-ngư-lôi 50 chiếc sắp đến tuổi cho Anh để dùng xáy hàng rào ngăn quân Đức trong bờ Manche. Du-luận và chính phủ Hoa-kỳ đều tán thành việc này.

Một mặt thì Anh điều đình để mua chuộc Nga mong Nga đừng giúp Đức trong cuộc chiến-tranh. Về việc Viễn-dông thì Anh cũng đã bắt đầu nhượng bộ Nhật về một vài phương-diện nhưng cũng rất dè dặt và khôn khéo để khỏi thiệt đến quyền lợi mình và khỏi mất địa vị ở Viễn-dông.

Các nước trong trục Ba-linh, La-mã thì vẫn theo đuổi các chính sách phá thế-lực của Anh ở miền Ba-nhĩ-cân. Hiện nay nước Lô là nước được Đức bảo vệ như Bảo và Hung.

Chính phủ Lô cũng đã thay đổi hẳn chính sách bắt đầu bài Anh, bài Do-thái và theo về phe độc-tài.

Y lại tìm cách gây sự với Hi-lạp để đòi lại những đất của Albanie hiện nay ở dưới quyền chính-phủ Athènes, ép Hi-lạp phải xa Anh và không nhận cho Anh đầm biao.

Tuy Anh hết sức đề đối phó lại, nhưng cũng khó lòng ngăn được ba nước Nga, Đức, Ý chia thế-lực ở miền Ba-nhĩ-cân.

Đầu sao, ta nên biết rằng tình thế Âu châu ngày nay chưa thể nào định hẳn một cách vững vàng được.

Vạn-mệnh Âu-châu và một phần lớn thế giới còn tùy ở kết quả cuộc Âu-chiến nghĩa là cuộc tử-chiến, cuộc tranh đấu quyết liệt giữa đế-quốc Anh và phe độc tài Đức, Ý.

Cũng vì thế mà hiện nay cả thế giới đang đề mắt vào cuộc không chiến không đờ trên đất nước Anh, cái bước thứ nhất trong cuộc đại tấn công của quân Đức sang Anh. Có thắng nổi Anh trong cuộc không-chiến này thì mới mong đồ bị lên đất Anh để phá tan được quân đội Anh và có kết quả trong cuộc "chiến tranh chớp-nhoáng" theo ý muốn của nhà lãnh-tụ đảng chữ Vạn.

Ngày 15 Aout là ngày Hitler đã hứa với dân Đức sẽ có thể tuyên-bố các điều-kiện giảng hòa bất Anh cúi đầu vâng theo, thế mà ngày đó, như lời Duff Cooper đã nói, lại là ngày phi-co Đức bị bại nhiều nhất, dân Anh đã không sợ gì lại còn thách quân Đức tiến-công sang Anh vì đã dự bị sẵn sàng đề nghênh địch.

Cuộc Âu chiến thực khó lòng có thể kết-liệu trong năm nay được.

T. B. C. N.

NHẬN KỶ KÈO NHẢM!

Hiệu Đại-Quang, 23 hàng Ngang Hanoi xin nhắc lại để quý hiệu đại-lý và quý khách dùng thuốc nhớ kỹ cho rằng: bản hiệu chỉ có cho xe ô-tô đi khắp các tỉnh để bán thuốc hàng làm quảng cáo và có đặt đại-lý khắp các nơi, chứ không bao giờ cho người đem thuốc đi bán từng nhà, nếu khi nào thấy người nào đem thuốc đến nhà gần bản xung là thuốc Đại-Quang mà lại bán một giá rất rẻ, thì xin phải đề ý kẻo mắc lừa, vì đó chỉ là những thuốc giả hiệu, mua nhầm sẽ mất tiền toi có khi còn bị liên lụy nữa. Dùng thuốc Đại-Quang muốn được chắc chắn, xin cứ mua ở những nơi có treo biển đại lý Đại-Quang ở khắp các nơi, hoặc mua của xe quảng cáo, mới thật là thuốc chính hiệu; bản buôn bán lẻ báo giá cũng có giá nhất định, có mua xin nhớ phải nhận kỹ ngoài gói ngoài hộp có chữ Đại-Quang và nhãn hiệu con Bướm Bướm thì mới khỏi nhầm.

HANOI - ĐẠI-QUANG DU-ỘC-PHÒNG - HANOI



Cái Vong Sát Nhơn của VVA Thành-Chung

Chuyện ngắn của Yên-Son. Tranh vẽ của Nguyễn Huệ.

Một buổi chiều, như cô lệ, phê họp nhau ở nhà hàng cà-phê Văn-đỉnh để tán chuyện gẫu, để chơi bi-a (billard), để uống rượu, để đánh bài và nhất là để ngắm trời, mây, sông, nước, trên dưới như pha chung một màu phẳng-lục...

Thì đến chiều nay cũng vậy, cũng bấy nhiêu đó. Ba mặt quen, ba viên chức đã nổi tiếng là «tinh-nhân» của nhà hàng: ông Văn-An giúp việc kho bạc, ông Võ-Bình giúp việc Tòa-án, ông Đỗ-Cung giúp việc cảnh mông.

Tối qua gánh hát Tân-lập, một gánh mới lần thứ nhất đến tỉnh của các ông (Pá-kim gần Bangkok kinh đô nước Xiêm) tới tại chầu như được các ông hoan nghênh lắm nên hôm nay nghe câu chuyện luôn miệng thấy các ông khen tới-sắc vài đạo chính...

Gần bên của các ông, ngồi riêng một bàn một người là mặt đã có tuổi, tăng trưởng đầu-dầu từ sắc-diện đến y-phục. Vòi cấp mắt như mơ-một g, như say-mê, và nhìn mặt nước lừng-lờ trôi, tay cầm cốc rượu pernod uống cho có chừng rồi lại đặt lên bàn.

Ông Văn-An, bằng một giọng cao-búng đột-nhên nói:

—Sống cái đời như họ được nắm đã mai, được đi khắp nơi, được ngắm biết bao nhiêu cảnh đẹp, thế mà hay, mà quý, mà đáng thêm ước cho bọn ta đây... Sông nước bọn ta, sống cái đời buồn tẻ, phẳng lặng như mặt

nước ao-tù, cái đời quanh năm suốt tháng chẳng có gì là hoạt động, là đổi mới, là bất ngờ; quanh quẩn ngày lại ngày, đêm lại đêm; cái chương-trình của đời chỉ tóm-tắt trong 3 điều: làm việc, ăn ngủ và chiều chiều đến đây giả-trí, giả-trí bằng cách...nói thêm buồn... Nếu từ nay đến chết, cái đời của ta cứ như vậy mãi, thì hơi ối là cái tình-cảm, là cái hoài-bỏ của tuổi niên thiếu chẳng ta!!

Lão kếp già, tức là người lạ mặt, từ này đến giờ vẫn ngồi lặng thinh, nghe đến đây phải lên tiếng, lên tiếng để vạch cho các ông thấy cái bề-trái của nghề tăng-bồng hồ-thị thì. Lại thêm cái cảnh chiều hôm, cảnh vóng nước mờ mờ, nó như khơi gợi lòng người, nhắc người nhớ đến chuyện xưa và vui người dỗi bầu tâm sự...

Lão kếp già kéo ghế lại gần ba ông rồi ôn-ôn nói: «Nghe câu chuyện các ngài nói vừa rồi, tôi không thể làm thinh được. Vì tôi trước kia non mười năm đã theo đuổi cái nghề mà các ngài đang mơ ước...

Đời ấy đã qua đi nhưng kỷ-niệm còn chan-chứa. Có như lời các ngài nói, nhưng nếu đời chúng tôi có những phút vui sướng thì cũng có những phút đau khổ, các ngài hãy tin như thế cho.

Thì dự như chiều nay, được ngồi lặng ngắm mây, nước cho

quên nỗi dỗi chìm nổi thì tôi lại phải nhớ đến câu chuyện thương-tâm là mối hận trường, là kết-quả của đời giang-hồ, phiêu-bạt, dỗi mà các ngài tưởng chỉ oán có vui...

Hàng-năm nhớ tôi ngày đau-dớn... tôi lại phải đến đây để tỏ vói vong hồn người thân yêu nhất đời tôi rằng tôi còn nhớ đến người...

Đang lúc tôi như thấy hiện ra trước mặt cái hình ảnh của người xưa thì lại nghe các nói... khác nào như lửa cháy đổ dầu thêm...

Trước là để giả-khuây cho cái lòng đang bồng-bột sau là để dẹp cái mộng-tưởng muốn làm thần con hát của các ngài.

Cũng như các ngài, ngày chưa vào nghề, tôi cũng đã mơ-ước sống cái đời giang-hồ gió trăng nhưng sau khi xảy ra câu chuyện thì thâm này...

Thật đấy, nghe câu chuyện tôi kể sau đây rồi các ngài sẽ biết an phận với nghề «cạo-giấy», các ngài sẽ phải thờ dài mà than dùm cho số phận của chúng tôi.

Cách đây 15 năm, năm 1925. Ngày tôi mới bước chân vào nghề, ngày tôi còn trai-tẻ, còn có nhân-tính tươi đẹp như hoa...

«Thế thì vui thú chán!» Ngày ấy gặp chuyện tôi có lẽ các ngài đã nói vậy.

Nhưng tiếc thay cái vui thú

ấy nó lại như hoa phù-dung... Nàng, người yêu của tôi, sinh trưởng ở tỉnh này, vì nàng mà hàng năm tôi còn phải trở lại đây.

Nàng con cái nhà ai, cha ông làm gì, bà con thân-thích còn lại những ai tôi cũng chẳng ai, tôi cũng chẳng biết. Vì tôi sơ-sơ quên hỏi. Chỉ biết nàng trốn nhà đi từ thuở nhỏ và đôi khi đầu cô nghe nàng nhắc đến quê-hương nhưng thấy nàng buồn, tôi cũng không nhớ khuôn

đồng tro tàn...

Hình như năm xuất thân ở một gia-đình có nề-nếp, bằng-cái là nàng đã bị cha mẹ cự-tuyệt với cái ý định muốn làm con hát.

Rồi, mặc lời can-ngăn, mặc sự dọa nạt, nàng cứ bỏ nhà ra đi. Ra đi với một số tiền không đủ ăn lấy vài bữa, tất nhiên nàng phải gặp nhều thử thách, gay-go.

Nhưng sao nàng cũng được nguyên, được một gánh hát có danh ở Bangkok lưu-y đến...

Nàng ra khỏi nhà, cha nàng cảm-giận không biết nguyên-rủi thế nào mà để nàng mỗi lần nhắc tới mẹ cha lại phải dưng-dưng nước mắt và nét mặt ngơ-ngẩn như con chim lạc đàn.

Đến lúc cô tuổi lên thì nàng lại bỏ gánh hát đi lấy chồng. Chồng nàng, một tay tư-bản lớn, say mê nàng chỉ vì nghe hát. Anh chàng đã phải tốn phí nhiều mới cưới được nàng.

Hai cuộc đời, hai tình nết, lại thêm tuổi chồng gặp đời vợ, thì mong gì sự bền-bĩ, thủy chung?

Anh chàng không hiểu sau vì quá ghen hay vì có gì khác mà phải tìm cái chết trong bệnh xe hơi. Thật là một cái chết khó hiểu. Chết bằng cách cho xe hơi phóng tới vào rừng Thanh-tịnh đâm bổ vào một cây đại thụ. Cái chết dị-kỳ!

Anh chàng như đã định trước nên chết chẳng để lại cho vợ được đồng nào, để nàng xơ-xác.

Phòng-túng và lãng-mạn là hai nét đặc-biệt của tâm-hồn nàng. Nhưng được cái bình tĩnh và gan dạ nên dầu gặp cảnh ngộ nào nàng cũng chẳng sợ đời.

Thì lại gặp lúc một gánh hát mới thành lập mà tôi là kếp-nhất đang cần đào.



Nàng nhập gánh hát trước thì hôm sau chủ gánh xin được giấy-phép đi Trung-hoa.

Cũng ở một gánh lại thường phải đóng vai tương-đối, quan-hệ thì tránh sao khỏi cái nạn lừa-gan-rơm?

Thật ra, ngày ấy, tôi đã yêu thương nàng quá lắm. Các ngài nếu cũng được biết như như tôi, biết một cách gần-gũi, hẳn mặt, nghe nàng hát, tiếng hát có âm-thanh, có nhạc-điệu; nhìn nàng cười, cái cười say đắm, cảm dỗ thì các ngài mới khỏi ngạc-nhiên.

Một cô đào thanh sắc vào hạ-trung như cô đào đêm qua còn được các ngài khen... Thì với nàng với con người thanh sắc toàn vẹn ấy, không biết các ngài khi thấy mặt sẽ phải nói thế nào?

Hạnh-Kim là tên chủ gánh đặt cho nàng. Với tôi nàng có cảm-tình ngay từ buổi đầu. Đã được nàng ban cảm-tình thì sự chiếm-lồng yếu còn có chi là khó...

Tôi cần phải nói rõ: nàng là người thứ nhất được tôi say mê. Buổi đầu mới gặp nàng, trước cái nhan sắc lộng-lẫy như tiên, tôi đã tưởng không... thế mà sau sự tôi đố kỵ, tôi đã được nàng yên, yên ra về thành thực.

Hàn-hạnh cho tôi quá! Tôi mừng như được lên mây xanh, vì không mừng sao được với cái ý-nghĩ này?

—Người đẹp như nàng, kiếp trước ta phải tốt tu lắm nên kiếp này mới được gặp đây!

Nhưng điểm phúc-ý nào có được bên bi??

Tình yêu của nàng sao mà mau-phôi-phai, thay đổi thế? Bởi tôi quá tin nàng, tưởng nàng chỉ biết có mình, nên đã bao phen tôi phải chết cái coi lòng... Người đa-cảm chung tình như tôi... Nhiều lần bắt được quá-tang, tôi muốn đoạn-tuyệt. Tôi đã có can-đảm làm dữ với nàng... Nhưng nàng lại có cách làm chuyện lòng tôi. Con người ranh-khôn đến cực...!

Nàng cứ lừa cô góa của tôi mà đánh. Với nét mặt thâm-sâu, với vai giết nước mắt (nước mắt ở nàng luôn luôn sẵn?) nàng đã khiến tôi phải cưới mà bà thú...

Rồi đây lại hoàn đó, nay lừa chàng-tinh, mai lại phụ tình...

Lòng dạ đàn-bá! Nham-hiền. khó do...

Mây sao tôi chưa phải lấy nàng làm gương-mẫu cho người khác... Vâng một nàng, tôi muốn ăn-gan uống-máu, đến

khi thấy mặt nàng, trước vẻ mặt như có sức thôi-miên quyến-dũ là tôi lại quên, quên cả.

Thật tôi không ngờ ngày ấy tôi si ngốc, yếu-hèn đến thế.

Đến Thượng-hải đất ăn chơi danh-tiếng bậc nhất của Tàu và cũng là nhượng-địa phong phú của các nước liệt-cường, là nơi lần thứ nhất được làm quen với một ngôi sao sáng của kịch-trường Nam-phương. Bậc tài-hoa lỗi-lạc ấy đã được quan-lại và dân-chủ ở Thượng-hải tiếp đãi thế nào, tôi không cần nói, tưởng các ngài cũng có thể đoán biết.

Tôi vừa vì tình yêu vừa vì lòng tự ái nên hết sức trở-tái. Đào-kép vốn đã ăn-y nhau lại được diễn vở tuồng theo ý muốn thì bảo sao chẳng được lòng khán-giả, rồi đêm nào cũng như đêm ấy, chủ gánh ngồi thu tiền không ngớt tay — Biết xét công cho chúng tôi, chẳng dễ chúng tôi phải nhắc, liền đó va nghĩ ngay đến sự tăng-lương cho tôi-tu...

Tôi còn nhớ: bấy giờ vào tháng hai, thời-kỳ hoa-lộ, hoa đào nở đầy cành, những thứ hoa cho nhiều tươi dĩa mà đi đến đường nào cũng thấy...

Gần buổi xuân-tươi ấy thì một ngày kia các báo đăng tin ở trường nhất, một tin quan trọng — « Ngày kia, vua Thành-Chung của Tây-Tạng sẽ đến Thượng-hải và sẽ được tiếp-rước trọng — thế như một ông khách quý... »

Đang báo chưa đủ, họ còn cho xe hơi đi các phố rải giấy và treo cờ (banderelle) ở mấy con đường lớn...

Vua Thành-Chung, một người quái-gỗ, điên-khùng, các ngài biết nhiều chuyện về Tây-Tạng có lẽ đã nghe danh ông vua này? Ông vua đã làm sôi-nổi dư-luận người Tàu, người Nhật và đã khiến họ phải bất-bìah, ghé-tỏm...



Người đầu mà đám loạn như con quỷ Satan, tai ác như thằng Râu Xanh đời Trung-Cổ.

Người đến thăm Thượng-hải lại nhầm lúc có gánh hát của chúng tôi. Một cái may cho nhà vua — nhưng lại là cái tai họa cho chúng tôi — thì đây cái tai-họa ấy đến:

Chủ gánh được tin vua tới liền cho gọi chúng tôi đến phòng riêng căn-dân... Hình như trước kia, va đã được ban-hành ra vào cung-diện của ngài và được ngài ban-lệng ngăn-khánh, kim-tiền gì đó nên hôm nay va mới tối-sáng tìm cách ta on bằng cách tiếp-rước-trọng-hân. Chưa gì đã thấy va mừng rỡ ra sắc mặt và một ngày đến ba bận va nhắc mãi chúng tôi câu này: — Phải biết ba đêm hát tới đây là quan-hệ lắm nhé! Vì danh-dự chúng, mấy anh, mấy chị có lòng thương tôi thì ba đêm ấy phải gắng gọi làm sao cho đức vua ngài được hài-lòng, đức vua mà hài lòng thì rồi anh chị muốn gì, tôi cũng cho...

Sau một giờ bàn-tĩnh, va đồng ý với chúng tôi về việc lựa vở Trường-Hạ và Mai-Nương làm tuồng hát hai đêm đầu.

Người đi coi hát đã sanh còn ai không thích hai vở tuồng này? Chính nó đã ban cho chúng tôi (tôi và Bạch-Kim) cái vinh-dự được khán-giả khắp các nơi hoan-ngheán nhiệt-liệt. Tình-nuơng của tôi, sau khi nghe chuyện đàm-tán của ông vua quái-gỗ ấy không hiểu nghĩ gì lại hi-hồn như người bắt được vàng-vàng.

Tôi ngạc-nhiên hỏi: « Em muốn bắt nhàn-tĩnh với con quỷ nhà trời ấy hay sao? » Nàng noi như thật: « Anh cho phép em nhé. Rồi va sẽ biết tay em. » Dân biết là lời nói chơi, tôi cũng thấy bận lòng ấy này vì đối với nàng thì còn có gì là đáng sợ-sệt, phòng-ngừa đâu! ! !

Tôi đã tưởng ngay về cái kết quả của đêm hát đầu tiên...

Vì nhà vua ngồi coi từ đầu đến cuối, nét mặt chẳng tỏ một dấu gì là yêu thích.

Nào phải Bạch Kim và tôi không tận-tâm, tận-lực với nghề? Nếu chúng tôi diễn trò không được hay thì sao khán-giả Tàu-Naét có hàng ngàn người lại về tay như phá-rạp...

Cần nhất có vua, cần một lời khen chê của ngài thì lại không thấy ngài cử động, ngài cứ ngồi ngáy ra như tương.

Chủ gánh thất-vọng, tình-nuơng của tôi cũng thất-vọng. Riêng tôi... đêm ấy vẫn bất, tôi ngủ vẫn được ngon lành lắm.

Nưng sau đêm thứ hai qua sáng thứ ba bao nhiêu nỗi lo lắng, băn-khoăn của tôi chợt-tối đêm trước lại trở về với tôi, và lần này nó lại còn có ý khó-chịu hơn...

Vì nàng bỏ rạp đi ngay sau khi văn-hát, nàng đi không nói một lời, mặc tôi trông đợi ở phòng. Hôm sau ô, đi tìm nàng, tình cờ tôi được gặp một người quen tới hỏi mới rõ đêm qua nàng đi về phía Minh-Hoàng thuộc vùng Parnam đi bằng xe long-mã và trong xe lại có một người đàn-bà Tàu (?)

Va còn thoi-ác cho tôi biết thêm cả điều ấy: — Vào giờ ấy khi trừ có dân đã ăn chơi phóng-dãng mới lui tới vùng đó.

Thì ra tình-nuơng của tôi đã nhầm mất bước chân vào vòng truy-lạc, đã đem thân làm đồ chơi cho thằng vua quái-gỗ. Nghe tin, tôi thấy lạnh mình. Bây giờ muốn tìm nàng thì biết tìm đâu, tìm đâu ở cái vùng đường lối quanh co, nhà cửa lưa-lưa ấy?

Kết cuộc tôi đành trở về phòng, ngồi thút-thở đợi. Đợi mãi cho đến trưa, trưa rồi tối cũng chẳng thấy gì, thất-vọng buồn chán, tôi quên cả ăn, quên cả ngủ. Đêm ấy đối với tôi thật là đêm đoan-rường, tưởng đến cuối-càng của người mất tích từ-hình cũng chỉ đến thế thôi!

Các ngài có nhớ — trải đời lần với thống-khổ của người bị tình-phụ, bị lừa — đối lại các

ngài mới biết cảm-thương, ái-ngại cho...

Chân-cho, vật-vật mãi đến gần sáng tôi mới chợp đi được, chợp đi với cái ý-dịnh sẽ từ-rũa cho thoát nạn.

Chứng đầu được 2 giờ thì bên ngoài trước cửa phòng tôi có tiếng đập-liền-hồi, tiếng gọi của người ở vào tình-thế nguy-cấp.

Cửa tôi khóa từ chập tối, khóa cho có cơ-cự-luyệt-nàng.

Tiếng đập cửa đi theo với tiếng gọi ở, có giọng của khấn-thiết tha, khiến tôi đầu-muốn làm gan-cho-mấy cũng phải vùng dậy mở.

Cửa mở, Bạch-Kim của tôi trên vai còn khoác áo nhung đen, rụt rố bước vô như một người khách lạ.

Trước vẻ mặt lạnh-lạnh, trước điệu đi một mồi, tôi càng thấy điên-tiết toan lên tiếng thỉnh-nộ thì bỗng thấy nàng như muốn ngã; nàng cúi sức đến nỗi phải dựa tay vào thành giường. Nàng ngước mắt nhìn tôi, nàng muốn nói mà nói chẳng được. Rồi nàng lại suy-tư-sa nhần-nhở...

Tôi còn phải thút-kinh hơn nữa với cái sắc mặt của nàng, sắc mặt như cắt không còn một hột máu.

Tôi vào sự vừa thương, vội chạy đến sờ nách nàng lên và vỗ vào hông: — Sao vậy em? Em bị tai nạn gì? Hay nói mau với anh! !

Nàng rết-rùn lên cầm-cấp, hai hàm răng đập vào nhau liến-liến...

Cơn rết làm tôi nung đến nỗi hai, ba lần nàng muốn nói mà nói chẳng được. Rồi nàng lịm dần đi. Tôi rồi ruột đau lòng quá, lúc ấy chỉ còn biết cúi đầu ăn cho nàng, đem đôi nàng lên giường, lấy đầu chùi xoa cùng mình nàng và ngồi một bên nhìn nàng bằng cặp mắt đầy lệ.

Trong lúc bệnh hoạn, ngặt nghèo này, chúng tôi còn biết trông cậy vào ai? Cứu gánh u? Ban đồng nghiệp u? Đều không được cả! Và xé lại chúng tôi chỉ còn biết nương-dựa vào nhau.

Tớ trêu và thâm-hại chưa? Tôi toan đứng dậy bấm chuông gọi boy thì nàng tựa mình, quay lại mở mắt nhìn tôi, chừng như nàng phải gắng-gượng lắm mới nói được mấy lời này (nàng vừa nói vừa thổ phờ người... đứt hơi):

— Anh thương em lắm, em biết, em chết mất anh! Lúc này em mới biết lòng anh thì đã muộn. Anh hãy thả thế cho em.

Còn lòng thương em thì ngày nào trở lại nước nhà, anh nhớ thay một em đi thăm Pêkim là quê quán của em, anh ra bờ sông trước nhà hăng Văn-dinh, ngắm đầm em cái cảnh chiều-hóm bên nước là cảnh đã khiến lòng em lưu-luyến ngay từ thuở còn thơ; và ngắm cảnh anh có nhớ đến em thì cũng đừng khóc lóc; thương tiếc chỉ con người đã bao phen làm khổ lòng anh! làm khổ lòng người, và đã bao phen



em. dăm đôn đơ với tình / thứ
linh nham hiem...

Làm đc gặp đc thì tất nhiên
phải có ngày... em. »

Nói đến đây nàng nức lên một
tiếng rồi, hai mắt tròn - rưng,
trải tìm ngừng đập. Tôi khóc òa
lên, khóc như đứa trẻ.

Mắt nàng đã nhắm, miệng
nàng còn diêm nụ cười. Tôi ôm
lấy mặt nàng và khóc vứa hôn...

Quanh mình nàng, trên ngực
nàng, tôi thấy phảng phất như
có một mùi ngào ngạt, hăng-hắc
gợi mùi hương trầm.

Tôi bấm chuông gọi boy bảo
đạp xe đi mời thầy thuốc. Nhưng
còn chưa đi được nửa / Dẫu tôi
xoa bóp, đồ nắn, xoa bóp thân
nàng đã mới có tay mà xê chết
vẫn hoàn xác chết.

Sao nàng lại có thể như thế
được? / Cái chết bị mặt cái chết
lạ lùng.

Còn khoa-học nào, còn trí khôn
nào mà phân - chất được, mà
giải-nghĩa được cái chết này?
Muốn truy - cứu nguyên - nhân,
tôi phải trông cậy vào luật - pháp
thì họ cũng chỉ biết đòi xem kết-
quả của việc mổ-xẻ.

Ngươi mấy đầu bằm tìm nổi-
cực ở bao-tử và ruột non thì
không có chi lạ, không có chi
đáng làm bằng, đáng để bị thuốc
độc, hay một bộ-phận của cơ-
thể nàng đã bị phá-vỡ bị thuốc.

Còn sự Mặt-thăm ra sức điều-
tra cũng chỉ đến có kết quả ấy.
Rốt cuộc pháp-luật đành chịu bó
tay trước cái tài giữ kín miệng
bình của người bán xửa là dân
gan góc, lì lợm đã có tiếng.

Từ lúc người quen tôi gặp xe
nàng đi về vùng Hạ-Sơn cho đến
lúc nàng như con chim bị-bắn
đề-tam-thân tàn về với tôi -
trong khoảng thời-gian gần 30
tiếng đồng-hồ ấy, câu chuyện
xảy ra thế nào, vì đâu nên nỗi,
hơn tôi nên có ai hay? / Nó thật
là vô-cùng bí-mật, vô-cùng tối-
tăm.

Nâng chén hôm trước thì hôm
sau cái dăm. Một dăm tang long

trọng. Theo cổ xe-lạng, tôi có
thể nói, một cái bản hành cho
nàng, là có cả cái Thượng-hải
quyền quý, cái Thượng-hải cao
sang...

Nàng mất đi. Tôi bị-quan cho
đến nỗi tưởng ai cũng nghĩ như
mình, cũng phải nhủ - nghĩ,
thương-tiếc rồi cũng cây lê cây
đào ấy, cũng hoa lá kỳ mà hôm
nay / tôi nhìn lại thấy khác, thấy
nó xê-xạc ả rừ như muốn chia
buồn với tôi.

Suốt ngày lang - thang trên
mấy con đường vắng, tôi cứ
thui-thủi một mình. Gặp tôi đã
có người-bảo là điếm. Mà có lẽ
thật, tôi đi đến nên nghĩ ấy thì
mới tỉnh ở lại Thượng-hải, ở
tìm một việc làm cho có kế
sống cho được đi thăm mộ nàng
luôn luôn.

Và nếu không đi đến thì tôi đã
không nghĩ đến việc đi tranh
phần cơm áo của người ở giữ
đất thành (nghĩa địa Tây).

Nhờ sự săn-sóc của chủ gác,
nhờ tấm lòng tốt của các bạn
đồng-nghệ mà lần lần tôi mới
được khuây - khoả, mới biết
nghe lời bạn.

Sau đó một tuần có chuyến
tàu đi Xiêm.

Giánh bát mất đào chính bắt
buộc phải nghĩ và sửa soạn khăn
gò lên đường.

Lúc chúng tôi ai nấy đã lên
tàu, đầu còn non nửa giờ thì ầu
rời bến, tôi đang chấp tay dâng
sau lưng đi bách-bộ trên cầu
tàu, còn tâm-trí thì cho đi ngao-
du ở đất Thành, bỗng có tôi phải
quay lưng nhìn lại: Một người
dân bà Tầu, bệ-tịch giả - đối
khúm-núm, vừa thấy mặt tôi đã
chấp tay vào lài / Tôi chưa
kịp hỏi, chị ta đã ăn ngay vào
tay tôi một cái hộp gỗ, cái hộp
khá nặng mà chẳng thấy đề-tên
ai.

— Cái gì trong này?

Chị ta nói tiếng bà-ại, thứ
tiếng thông dụng của dân Tầu
quốc-tế, (nơi hội họp của gần
đủ dân các nước Á-Mỹ):

— Cái kiềng vàng của vua
Thành-Chung cho quan bà. Quan
bà dành rơi tôi nhặt được, toan
lấy nhưng đêm qua quan bà
hiện về trách mắng, bảo tôi sáng
nay thế nào cũng phải đem
xuống làng trả cho quan ông.
Quan ông làm ơn nhân giùm cho
và xin nhờ nói lại với Quan bà
rằng tôi đã gi - o - trả rồi, cho từ
đây quan bà đừng tôi ngờ yện. Tôi
lên gọi Thái-Thạch.

Tôi trừng mắt nhìn chị ta,
vì chị ta là người đem trước đã
đắt năng, người yện của tôi, đến
cho vua Thành-chung / Chị ta
là đứa nối giáo cho giáo, là
người đồng-lũa với kẻ mưu sát
nhà tôi...

Vậy thì tội-ác là của chị ta ư?
Nhưng chưa lấy gì làm chắc, tôi
còn phải hỏi chị ta, tìm lời dò
đám làm sao cho chị ta khai...

Thì tôi có việc đánh ngao vào
chỗ yếu của chị - chỉ sự may, sự
hiện ra sắc mặt, chỉ tin rằng
người chết oan bao - giờ cũng
linh-thiêng (cái tin, cái sự chứng
của hạng người thất học) /

Chị đã khai, đầu nghe tiếng
được tiếng chẳng, tôi cũng đoán
ra sự thật, chỉ vì tham tiền nên
vô-linh đem ấy đi để dâng
đến cho chết tức là xóm yên-hoà
mới xóm độc-biệt của vùng Hạ-
sơn ăn chơi, đất đến cho con quí
dân tan... Hình như chị đã Pen-
hóc với nó từ trước...

Kể có lộ đến nạp mình? Thì
tôi có việc giao nó cho sự mặt-
thăm là ra cơ-sự đầu-đuôi...

Tôi toan kéo cổ nó đến phòng
ba-loong tàu, rồi vừa mới gợ tay
thì nó đã vùng chạy. — Tàu
buýt có vang động, thủy-thủ
đang bị-bực nhờ neo, kéo cầu...

Nó lạng như cái cắt, đã chạy
khỏi thang lầu và bước lên cầu
gỗ. Buổi theo không kịp mà gọi
tiếp-cứu cũng không ai nghe...
tôi đánh gượng mắt nhìn nó.

Tàu ra khỏi bến đã xa, tôi mới
trở về chỗ cũ nhặt cái hộp gỗ.
Cầm trong tay cái kiềng vàng

(xem tiếp trang 32)

PHÊ BÌNH

YÊU NHAU HOÀI NHỎ' NHAU MÃI

của LĂNG - HỒ

Các nơi đê-hội nước nhà, có lẽ chỉ có Huế là tốt
số nhất. Tôi sẽ nhớ một vị thiên king tiền thu, tài có,
sắc có, kiến thức có ai ai cũng phải ngẩn ngơ vì tình.

Vì vậy, trong khoảng mười năm nay, biết bao
nhiều nhà văn sĩ thì náo nức tán dương cái đẹp, cái
hay của Huế.

Quyển « Yêu nhau hoài, nhớ nhau mãi », của
ông Mãn-Châu xuất bản vừa đây lại là một áng
văn là về sông Hương, núi Ngự.

« Yêu nhau hoài, nhớ nhau mãi » nguyên là quyển
du ký của tác giả ở Huế một tháng trời.

Trong bài tựa tác giả bày tỏ mục đích. Tác giả
muốn giúp cho các bạn trong nước muốn biết
những cái hay cái đẹp của Huế. Nhưng muốn
rành cho quyển sách khô nhạt nhẽo, tác giả lấy
một chuyện làm chủ đề, rồi xen các phong cảnh và
chuyện khác vào.

Câu chuyện làm chủ đề chẳng có gì là lạ cả. Tác
giả vào Huế ăn cưới người em làm quan tại triều,
nhân gặp một người bạn cũ là Bùi Tiến sinh kể
cho mình một đoạn tình sử ly kỳ đã xảy ra giữa
mình và một cô gái để-kinh tên gọi là Lê Xuân.

Nhờ tài mối lái của cụ Tàng, một cụ lái đò,
Bùi quân làm quen được với Lê Xuân, một cô gái
con nhà từ-tế - theo như lời của tác giả. Cấp trai
gãi đò, từ ngày gặp gỡ, ngày nào cũng dạo khắp
chốn đê đò, cái ai tình xa xôi nó đã gần gũi hai
lắm hồn lẫn lộn. Nhà Cánh-nòng báo-làng,
Điện Cấn chính, hồ Tĩnh tâm, vườn hoa Thượng
bạc, chẳng đâu là không in dấu chân đôi khách
lính. Kể đến bà cụ sinh ra Lê Xuân ta thế, để lại
một mối sầu vô hạn cho nàng. Muốn làm vui cho
ban gái, Bùi quân ra một người bạn trai là một
nhà thương nghiệp ở Vinh mới có Huế cùng đi
chơi (thuyền ở sông Hương). Không ngờ, ông bạn
trai trong thấy có bạn gái của Bùi quân liền say
đắm, rồi giở cái thủ - đoạn suồng sã để chiếm đoạt
trái tim lãng mạn và tâm hồn ngà-ngọc của Lê
Xuân. Khiến cho Lê Xuân phản uất, bỏ ông họ Bùi
đi bệ / làm, mãi đến 6 năm sau mới gặp ở chùa
Thiền-mu, trong bộ áo nâu sùng của một vị sư
nữ. Nhưng từ đây, hai người không gặp nhau
nữa và chỉ yêu nhau hoài, nhớ nhau mãi, vì Lê Xuân
đã quyết chí nương thân đời bóng phật từ bỏ

Đó là câu chuyện nó đã khiến cho tác giả cảm
mộng cái thủ sông Hương về đêm lòng kinh phục
có gái thần-kinh. Tác giả có quyền kinh phục Lê

Xuân, /oi chẳng dám
cãi là không. Nhưng
đang về phương
điền độc giả ta lại có quyền nghĩ khác.

Theo như nhất tác giả thì Lê Xuân là một cô
con nhà từ-tế vì cảnh nghèo nên nghe lời cụ mồi,
mà sa chân lỡ bước xuống đò, để hiển tẩm thân
bằng tuyết cho ông Bùi. Nhưng nếu ta đọc kỹ, ta
sẽ ngạc nhiên về cái ngôn ngữ cũ của Lê Xuân.
Con gái nhà từ-tế gì mà lần đầu nghe cụ lái đò
lĩnh đả nhảm mồi theo ngay vào con đường truy
lạc? Từ từ mà khi mới gặp mặt ông khách làng
chơi đã kể huyền thiên những nỗi nọ kia hơn một
trang giấy? Từ từ mà tuy nghe thấy người bạn
trai của ông anh mình nhắc rằng cụ Tàng vốn
chở đò và đốn gỏi cho khách chèo đã kiếm tiền đến
không ngần ngại khi mua đò xuống đê về khách?

Tác giả kể cũng đã làm công phu để vẽ ra cho
Lê Xuân một cái dáng điệu có gói, một cô xù xù
còn hoa phong nhị. Xem mấy đoạn sau này sẽ
biết « cô ả vào ngôi trong thuyền chỉ cái gáy mặt
nam tu, nhìn xuống chiếu mà chẳng dám nâng
mặt lên ». « Trong khi Lê Xuân nằm gồi đầu lên tay
tôi tôi thấy nàng run lẩy bẩy, mặt nàng nóng bừng
lên, mỗi khi tay tôi vào ngực hay vào mông
nàng thì nàng lấy tay đẩy ra một cái mạnh thế ».

Học hai đoạn ấy, ta có thể tạm cho Lê Xuân
là cô xù xù lần đầu nếm mùi đời. Nhưng ác
hại thay! Đọc đến câu này thì ta không còn
hồ nghi chi nữa! Lê Xuân chỉ có thể là một cô
gái kiếm tiền thuê thuyền mà thôi. Xin độc-giả nghĩ
mà xem « Thế là nàng vờ chổ gợ y, thật thì mặc
cho tôi như ong hút nhị hoa ». Lại một cái vụng
thứ hai, của tác-giả nó khiến ta giận tác-giả nữ
lừa dối ta. Tác-giả bắt Lê Xuân khóc sớm quá.
Sao Lê Xuân không khóc sau khi thất tình mà
lại khóc lúc bà họ kể là thần thế với ông Bùi.
Một cô gái như thế mà vì một câu chuyện
nhảm lố của ông bạn ông Bùi mà bỏ đi tu thì
thực là quá. Chắc là cô gái Thần-kinh này mắc
phải bệnh thần-kinh mất rồi!

Nói đến Lê Xuân tất phải nói đến cái ai lĩnh nó
giàng bước vào vào ông Bùi. Nó có chân thật
như tác-giả muốn cho ta tưởng vậy không? Chân
thật gì mà khi ông Bùi hiện bà chực đồng cổ đã
nhận ngay? Chân thật mà ông Bùi phải dấy
đỏ có Lê Xuân, có mới vô lòng yêu. « Trong đường

ai-linh cũng như trong sự ăn uống cần phải đổi món ăn luôn mới ăn ngon được; nếu ngon trên đầu mà bữa nào cũng chỉ ăn cũ, có một món ấy mãi thôi cũng chán... Tôi cũng thế và bảo Lê Xuân như thế... Do cái quan niệm ấy đi lại với Lê Xuân mới được một tháng trời, hồi thăm Lê Xuân thì ra dù ở Hoàng-dô mà bởi túng nghèo, chẳng bao giờ nàng được vô trong các nội cung điện như khách du-lịch, mà Lê Xuân cũng chẳng biết làng lắm của vua nào ở đâu.

Tôi muốn đổi không khí trong cuộc giao hoan với Lê Xuân, cứ mỗi tuần-lẽ tôi sang phòng du-lịch bên tòa Khâm-sứ xin giấy phép để đưa Lê Xuân đi chơi một vài nơi ».

Chẳng thế mà mỗi yếu nhau một tháng trời đã chán phé, đã phải tìm cách đổi mới để mưu sự lâu bền. Mà đã phải vịn vào một cái quan-niệm để yếu nhau sao gọi là yếu chân thật được.

Câu chuyện lấy làm chủ đề mỏng-mảnh như thế, yếu ớt như thế thì bảo ta thích sao được. Văn biết chuyện đối với tác-giả không cần cho lắm, vì chẳng-quên nó dùng để làm cái đề cho tác-giả tả cảnh Huế và sông Hương. Nhưng chính vì tác-giả theo đuổi hai ý muốn, vì tác-giả muốn bắt cả hai tay, nên chuyện thì nhạt, mà cảnh tả lại khô khan. Đó là chưa kể những đoạn tả cảnh bắt nhả xen những cái hóa trởm cợt nhả những lăm lăm địa lằng.

Ta xem đó thì biết cái chí lo của tác-giả muốn kiếm cả hai thứ văn-từ-thuật và khảo-cứu. Cũng vì tác-giả quá tham. Muốn làm vui cho độc-giả ông bịa ra một chuyện làm chủ đề, câu chuyện quá ư và vớ. Muốn hình dung cho độc-giả cái đẹp cái hay của Huế, các đoạn tả cảnh và khảo-cứu lại vụng-về và khô-khàn.

Độc-giả quen « Yêu nhau hoài, nhớ nhau mãi » ta lại càng ưa ước muốn được sống ngay ở Huế một tháng trời như tác-giả đã ngắm coi những cảnh tượng đẹp để mà tác-giả hình như tiếc không muốn cho ta được hưởng đến dần đến dần.

Đã đành rằng, ở Huế ta không được như tác-giả, có những « gia đê » dật đi chơi chỗ nọ chỗ kia và giới-thiệu với người này người khác, nhưng ít ra ta cũng được thấy tận mắt những cảnh mơ mộng ru lòng...

Lúc ấy vì dụ ta có gieo mình xuống giòng nước sông Hương cho nước đưa ra bể, bỏ đưa ngược về sông Nhị mà đặt cái thân mẫn nguyên của ta ở đấy Hà là nơi ta được thấy ở trong cuốn « Yêu nhau hoài, nhớ nhau mãi » một cái ai tình nồng cuồng dờ dật, rồi ta chết ở đấy thì cũng không đến nỗi ăn hận vớ.

LĂNG-HỒ

TẤT cả những bậc phụ-huynh có con em đi học ở những trường công và trường tư, trước đây, đều đã trải qua một thời hoat-mải đầu, quần ở trên ghế nhà trường. Vậy, ai muốn sống lại trong giây phút những kỷ niệm đó nó như một mối hạnh phúc đã qua rồi. Vậy ai muốn biết những cảnh đời học sinh mà con em mình đương sống với một tâm hồn chất phác.

Thì ngay từ bây giờ, hãy đón đọc :

SỞ KHAI TRƯỞNG CỦA TRUNG - ĐẮC CHỦ NHẬT

xuất-bản ngày 1er Septembre 1940.

Trong số ấy các ngài sẽ thấy những chuyện riêng rất thú vị của những cây bút quen biết của các ngài, của những ông nguyên giáo học đã uốn nắn con em các ngài và của một người không là giáo học, không là học trò mà đã chứng kiến BA MƯƠI NHĂM LẦN KHAI TRƯỞNG TRONG BA MƯƠI NĂM TRỜI.

Trung Đắc Chủ-nhật sở khai trường đó, ngoài ra lại có một bài ai ai cũng muốn biết mà có lẽ chưa có dịp nào xem tới. Ấy là thi-ca Đức. Nước Đức hùng mạnh nhất thế-giới vì chiến-cu, vì thao lược, nhưng thì ca-tinh lại của Đức thì ra thế nào?

Đại lý nào muốn lấy thêm bao nhiêu xin viết thư ngay về nhà báo, kéo số in cho hạn.

RA ĐI

(liếp theo trang 8)

Rủ đi ! Tôi không dám mời các bạn ra đi... xa quá giới-hạn pháp-luật và tiền-tải của chúng ta. Tôi chỉ mời các bạn, cứ mỗi vụ hè, đi chơi tản-mác ở các nơi trong nước. Việt-Nam xinh-đẹp của chúng ta này. Các bạn sẽ đi từ các thành-phố lớn đến các nơi thôn quê heo-lành, các bạn sẽ đi để nhận biết sự sinh-hoạt của dân-tộc này, để nhận-biết sự công và lòng nhũn-nại của anh em đồng-bào các nơi, các bạn sẽ đi để biết đến

những phong-cảnh bất-tuyệt của những giãi rừng hùng-tráng nằm dài theo ven bờ bể xứ Trung-kỳ... Các bạn sẽ đi và sẽ thấy này ra ở trong lòng, trước sự sống của dân-tộc mình, trước những vẻ đẹp hùng-vĩ của nước mình, một cảm-tinh lai-lạng...

Chính cái cảm-tinh ấy sẽ đưa bạn đến chỗ tin, yêu, và sẽ đưa bạn đến một lý-tưởng duy-nhất. Dần dần, bạn sẽ muốn ra đi... Và ra đi mãi mãi. Vì, chỉ có sự ra đi... là có thể cho bạn một ý-nghĩa tốt đẹp trong lúc này.

... Và, bây giờ thì tôi xin mời các bạn lên đường...

HOÀNH-PHONG

Từ xô bẹp đèn dinh tề-trưởng

NÀNG RACHELE

THỰC ĐÃ XỨNG ĐÁNG VỚI NHÀ ĐỘC - TÀI MUSSOLINI NƯỚC Ý

NHI-LANG thuật

Hàng ngày cả thế giới luôn luôn nói đến nhà độc - tài nước Ý, nhưng ít ai nghe nói đến Mussolini phu nhân. Nhưng nếu ai biết rõ cái cảnh gia-dinh của Mussolini thì sẽ thấy rõ rằng bà đã gom góp nhiều về mặt tinh thần vào cái công-nghiệp của chồng vậy.

Cũng như chồng, Mussolini phu nhân vốn xuất thân là con nhà chẳng qui phái gì. Bốn chục năm trước đây cô Rachele Guidi còn là một cô gái rất xinh đẹp ngoan ngoãn, ngày ngày đội một rổ nặng hàng hóa ra bán ở chợ làng Predappio thuộc tỉnh Forlì. Cả cha mẹ cô cũng bán buôn trong chợ đó. Còn Benito Mussolini mà ngày nay là chủ tịch nước Ý thì gia-dinh có vẻ phong phú hơn cô Rachele nhiều. Bà mẹ chẳng là bà Rosa Mussolini thì làm bà giáo. Còn người cha ông Allessandro thì có một cửa hàng lớn. Đó gia cảnh hai nhà như thế đó.

Năm cô Rachele 14 tuổi thì cha tạ thế ít lâu sau đến bà Rosa Mussolini về nơi thế-giới cực lạc. Góa-vợ ông Allessandro là thân phụ chàng Benito liền mới ngôi hàng cơm, thuê bà vợ góa ông Guidi và cô Rachele giúp việc trong cửa hàng, hầu hạ khách khứa.

Cô Rachele ngày ngày quét



BÀ RACHELE MUSSOLINI Vợ của nhà độc tài nước Ý

dọn trong cửa hàng xong lại đến ngồi thu hình một góc lại trong bếp chẳng khác chi thân phận con Lọ-Lem trong chuyện cổ tích.

Chàng Benito lúc này đi lính ở ngoài tỉnh-thỉnh thoảng mới được phép nghỉ về thăm nhà. Một bữa chàng về nhà nghỉ thì được gặp cô Rachele. Thực là một « tiếng sét » như người ta thường nói. Cô Rachele xinh đẹp kia vừa gặp mặt chàng con trai có tính cách hống hách, không chịu để ai trái ý bao giờ như chàng Beni-

to, tức thì thấy trái tim rung động rất mạnh, chàng Benito muốn bắt buộc điều gì cô Rachele đều vui lòng vâng theo chẳng khác chi một kẻ nô-tệ.

Nhưng ông Allessandro vốn biết tính con trai nên không muốn để cô Rachele phải cực khổ. Đã nhiều lần ông khéo lựa lời khuyên cô Rachele :

— Con chớ nên để tâm nghĩ đến chàng Benito nhà ta nữa. Tha con tự nhẩy vào một đoàn xe hóa cón hơn là thương yêu nó. Với nó con tất không bao giờ được yên vui đâu con ạ.

Nhưng tấm lòng vàng kia một khi đã trao cho ai rồi, nàng Rachele quyết không bao giờ chịu thay đổi. Nên nàng không nghe lời can khuyên của ông Allessandro. Lúc Benito rời khỏi nhà thì cô Rachele cũng bỏ tiệm cơm ấy đi theo. Hai vợ chồng trẻ đến ở tại tỉnh Milan tìm cách sinh sống, thuê một gian nhà nhỏ. Chính trong gian nhà nhỏ hai phòng ấy cô Rachele sinh hạ đứa con gái đầu lòng tức là cô Edda vợ bá-tước Ciano bây giờ vậy.

Nhưng được ít lâu Benito vì có ý tưởng quá khích mà phải rời bỏ tổ quốc, nàng Rachele âm thầm chờ đợi chàng hết sang Thụy-sĩ lại đến hạt Haute-

Savoie. Tại đó Mussolini phải tạm làm thợ nề ít lâu để nuôi gia-quyên.

Năm 1914 cuộc binh đao nổi lên, Mussolini lại trở về được nước Ý. Hồi ấy, nàng Rachele lại lần lượt sinh hạ được hai con trai đầu là cậu Bruno đi đến cậu Vittorio tức là hai viên dũng tướng trong đạo không-quân Ý ngày nay vậy. Cái gia đình nhỏ ấy vẫn ở thuê trong một gian nhà nhỏ hẹp, mà nàng Rachele thì vẫn không rời nơi xó bếp để săn sóc bữa ăn cho chồng con.

Chính trong gian phòng nhỏ ở nhà ấy vừa dùng làm phòng khách vừa dùng làm phòng ăn mà năm 1922 Mussolini và các bạn đồng chí đã quyết định vận mệnh của nước Ý vậy.

Đang phát-xít tiến vào La-mã chiếm được quyền chính rồi thì Mussolini và vợ con được ở một tòa nhà lớn nằm gần trên tầng gác thứ tư trong khu sang trọng ở Milan. Hồi này Mussolini muốn cho vợ được tiệm nhiệm những công việc ở đời, không cho vợ vào bếp nữa, mà bắt phải học tập. Chính nhà để tài ý luôn luôn dạy vợ về sử-cụ, địa-dư, toán học, đã có hai cậu con trai Bruno và Vittorio bắt mẹ phải học lại.

Nàng Rachele cố chỉ học tập chẳng bao lâu đã thấy tâm trí vô cùng. Cũng trong năm ấy vợ chồng Mussolini chính thức làm phép cưới.

Thế rồi luôn trong 4 năm, Mussolini bị làn sóng chính-trị luôn luôn xô đẩy không còn có thì giờ nhìn đến vợ con một phút nào cả. Mãi đến năm 1926 bỗng một buổi trưa nàng Rachele ngạc nhiên thấy chồng trở về nhà. Thì ra nhà để-tài Ý vừa thoát qua một nạn ám-

Cái vòng sát nhân của...

(Tiếp theo trang 28)

nặng có đến mười mấy đồng cân, cầm và ngắm nghía cái kiềng long-lanh như nam ngọc-trai còn thêm chạm-khắc tỷ-mĩ, theo lại phải nhớ đến nàng, lại càng cảm giận con đàn-bà «mối-lái».

Nó gian-hung quá! Muốn tránh tù-tội nó nhờ lúc tàu sửa soạn chạy, mới đi tìm tôi... Nó đã chiếm-đoạt bằng cách nào? Tại ra nó đã tính chán, tình chiếm-đoạt không xong mới chịu đem trả.

Rồi hàng năm đến ngày kỷ niệm đau-dớn ấy, nhớ lời nàng dặn lúc làm chung tôi lại đến Pékim, đến đây ngồi ngắm cảnh chiều tàn, là cảnh đã khiến lòng nàng bao phen thắc mắc...

sát. Có lẽ Mussolini nghĩ rằng sau một cái nạn lớn như thế thì chỉ có ở cạnh người vợ hiền mới được thực yên mà thôi.

Nàng Rachele cũng hiền cái nghĩa vụ mình như thế. Và cũng từ đó nàng theo phong trào mới, cũng cắt tóc ngắn, cũng săn sóc sắc đẹp, cũng may những y phục thực tân thời. Tuy nàng đã sinh hạ thêm được hai con nữa nhưng con trẻ đẹp, nên chẳng bao lâu nàng có cái sắc đẹp lấy được sự ngưỡng mộ của vị cao-quý của chồng trong nước.

Ngày nay thì nàng Rachele được đứng vào hàng quận-chúa từ khi Mussolini được thưởng tước đế nhất đẳng hội-tính Annonciade. Tuy thực là một người đàn bà tân thời nhưng phu-nhân ít khi ra ngoài phụ-nhân để thì giờ trông nom giáo-dục cho hai con nhỏ là Romano và Anna. N.L.

Và sáng năm sau, tôi còn trở lại Thượng-hải, đến chỗ cũ (đất Thánh) thăm mộ nàng, đứng trước mấy vòng hoa tươi của những người có lòng thương đời hơn bạc-mệnh, đem viếng tặng... Tôi lại thấy lòng sá chơn chửa.

Tôi tưởng chừng ngày ấy lòng tôi đã thất lại rồi, nghĩa là nó không còn hơi sức để lưu-luyến, để thương-yêu một người nào khác hơn nàng...

Và nàng chết chưa được một năm thì tôi đã từ-giã cái nghề khêu môi hận lòng ấy.

Tại sao tôi phải từ-giã nó? Có lẽ nàng đã hiểu cho lòng tôi quá, ngày ấy trở lại Thượng-hải, sau khi đi thăm mộ nàng, tôi còn đi dò hỏi, tìm kiếm con đàn-bà mối lái kia.

Thời thì tôi đi đủ chỗ! Tôi phải thức đêm năm, sáu đêm. Xóm nào xóm ấy chơi có tiếng cũng có mặt tôi. Thế mà tôi vẫn không lường ra con người nhan hiêm ấy.

Kết cuộc mỗi lần nhớ đến tên sát nhân bận áo màu xanh, kia tôi chỉ còn biết thở dài than vãn. « Một tay nó đã làm hay biết bao người? Trước nàng là những ai? Sau nàng còn có những ai? Nó làm vậy mà không tội ăc? nó làm vậy mà trời cứ để nó sống mãi sao? »

Thành-thủ lần thứ hai tôi trở lại đất nước cũng đem theo một mối hận lòng...

Phải chăng chỉ vì cái kiềng, cái kiềng là bằng-chứng, tội ác của kẻ sát nhân?

Bởi chắc ý như vậy nên năm xưa đi thăm Pékim, tôi đã liệng nó xuống sông, và tôi cần phải thú-thực với các ngài rằng liệng nó đi rồi, tôi quá có thấy lòng ăc được đôi phần...

Chàng 'trẻ' về về lấy chân dật lên để che khuất đi.

YEN-SON

Juillet 40 - Vinh

NGƯỜI TRINH NỮ



Tiêu-thuyết của LAN-KHAI

Tranh vẽ của MANH-QUYNH

(Tiếp theo kỳ trước)

Tên tất những kỳ trước: Từ đó bị ông Đế Lương-vân-Phủ định cho một trận thất điên, bát đảo thì chàng GẤU-GIÀ - một học nữa ăn cướp, nữa buôn lậu - đã đi quấy rối vàng châu Đèo-hoa đi nhiều.

Nhưng một bữa kia ông Đế bị ám sát. Tông, con trai ông, tìm cách báo thù cho cha. Tuy vậy chàng vẫn để hết tâm hồn yêu nàng Nghan - cô con gái xinh đẹp tuyệt trần của quan Châu Đèo-Hoa. Dù chàng vẫn thừa hiểu cái địa vị của chàng rách sa sàng Nghan quá.

Giữa lúc đó, Âm Vinh - con một ông Châu khác hồi nàng làm vợ. Nàng chối từ vì nàng vẫn thầm yêu Tông, người đã một lần cứu nàng khỏi chết.

Một hôm nàng Nghan cứu được Tông suốt bị Âm Vinh mưu giết trong một cuộc đi săn hươu. Hai người thủ thết tình yêu cũng nhau. Nghan lại cho Tông biết rằng chính Âm Vinh là chủ đầu GẤU-GIÀ và chính ý đi giết chết cha Tông.

Ngày tối đó Tông bị chàng GẤU-GIÀ bị một bắt đi. Nàng Nghan vội đi đó là tin tức Tông... và nói với cha sự bí mật của Âm Vinh.

Đây là một cái nỉn lấu, một cái nhìn đầy ý nghĩa, một cái nhìn nó làm cho bị vọng chùng lờ sáng rờ như một tia chớp trong đêm mưa bão.

Tên ấy nhìn Tông rồi lại nhìn về phía cái cửa bí mật.

Bỗng, cả hai người cùng giật mình vì một tiếng quát tháo:

— Thằng ấy làm gì mà lâu thế? Hay lại rí tai cho nhau câu gì vậy!

Tên Thổ giả luyh quỳnh:

— Tôi đã xong rồi đây ă!

Hắn bước rào ra ngoài.

Cùng lúc ấy, một vật gì rơi xuống trước mặt Tông, một vật nhỏ mọn.

Chàng 'trẻ' về về lấy chân dật lên để che khuất đi.

Cánh cửa bên ngoài xập lại.

Tông lại chìm sâu vào bóng tối. Tuy thế không khi ở trong hầm giam đã bớt nồng nực hơn trước.

Tông nhặt cái vật mà tên Thổ giả đã đánh rơi ban nãy, chẳng biết vô tình hay cố ý. Chàng suy kén lên. Thì thấy ra một chiếc chìa khóa sắt to.

Hì vọng nào nức khiến Tông chồm dậy. Thiếu chút nữa, chàng cười lên sáng sặc.

Tên Thổ kia không phải đã ngẫu nhiên bỏ chiếc chìa khóa lạ cho chàng. Và chiếc chìa khóa này nếu chàng để thừa cũ sẽ lỏng cho chàng thì còn để làm gì nữa?

Tông mừng run cả người.

Chàng lắng nghe bên ngoài đoạn rón rén lại bên cái cánh cửa bí mật, lấy tay rờ ở khoá để thử xem chiếc chìa.

Đúng!

Chàng rút chìa ra, cắm sâu vào một nơi ở thành đất rồi lại ngồi chờ cũ.

Phải để sau khi bọn cướp đem cơm chiều vào cho chàng đã rồi chàng sẽ liệ. Có làm như thế thì mới êm. Nếu hấp tấp chồm ngay, bọn giặc nó phải quân đuổi theo vậy bắt thì làm thế nào?

Nhưng mà lòng chàng xôn xao quá. Ngồi yên một chỗ là một cái khổ. Tuy thế, nếu chàng

không kiên nhẫn, để giấc nồng
thì ngủy to!

Chàng lẩm bẩm:

«Nàng Nhạn ơi! nếu tôi thoát
nơi này, tôi quyết về ngay để
cứu nàng.»

Rồi, Tông lại lẩm nhẩm vong
hồn cha:

«Vong hồn cha có thiêng xin
phù hộ cho con thoát khỏi nơi
địa ngục này. Có thế con mới
bảo thủ được kẻ đã hại cha vậy.»

Tông đã nghĩ gì thì nghĩ,
chàng vẫn không quên được
năm cơm xoi mà giấc sẽ đem vào
cho chàng ăn.

Sao mà lâu thế!

Một lần, chàng không mong
đợi gì thì lại chông vánh quá.
Vừa ăn xong, chàng đương
vào thì đã lại có cơm đem vào.

Lần lúc chàng không buồn ăn,
bỏ bữa ra đây, khiến cho chuỗi
cổng dĩa tranh nhau, cần nhau
chỉ chóc, nhảy cả lên người
chàng.

Tông chờ đã sôi cả ruột. Chàng
tưởng có lẽ không bao giờ chàng
đem cơm vào cho chàng nữa.

—Quái thật! Hay là chàng
nó quên? Hay là ta cứ đi liêu?

Chàng chưa rút lời thì một
tiếng chân người đã văng đến
thành thịch.

Hắn là đây!

Tông vội cúi mặt xuống để lấy
một đàng ngồi rũ rượi, tránh
con mắt ngờ vực của bọn quân
cảnh.

Một cái mắt cáo hé mở. Một
con mắt nhòm vào rồi một tiếng
gọi:

—Lấy cơm mà ăn!

Chàng nặng nề đứng dậy tiếp
lấy năm cơm rồi lại quay về chỗ
ngồi.

Lần này thì không đói, Tông
cũng phải ăn no để lấy sức. Cuộc
đi trốn này quan hệ không những
đến tính mệnh chàng mà còn
quan hệ đến cả tính mệnh của
nhiều người. Chàng mà thoát
được thì mọi sự đều hay. Chàng
nhỏ lại bị giấc nồng được thì đầu

chàng sẽ rụng và thân phận
Nhạn cũng chẳng còn mong gì
nữa!

Tông ăn xong nằm xoi, chiêm
một ngụm nước lạnh rồi đứng
phất dậy.

Ngực chàng phồng lên vì hi
vọng, vì vui sướng.

Phải, có sao chàng không lạc
quan?

Chàng biết rằng bọn giấc, sau
khi đã mang cơm cho chàng, sẽ
không còn dòm ngó gì nữa.
Chàng ra phía cửa, rõ tay lên
thành dất để móc chiếc chìa
khóa. Chàng lồng chiếc chìa vào
ổ sắt, quay một vòng. Khóa cửa
lạ ngay không mở có rít nhưng
mà rồi sau chìa khóa cũng quay
được...

Trống ngực chàng đánh tung
bùng. Tông khẽ đẩy thì cánh
cửa từ từ mở.

Một làn gió ào tới.

Tông có cảm tưởng như người
từ dưới đáy mả trở lại cõi nhân
gian.

Trống ngực chàng đánh tung
bùng. Chàng run lên vì sức động.

Tuy lúc ấy, trời đã tối mà
Tông cũng nhận thấy rằng cánh
cửa bị mặt mở ra một con đường
ngắm sẽ xuống như cái rãnh
xấu. Con đường không dài lắm.
Chỉ độ năm sáu thước tay thì
đến một cái hồ tròn như cái
giếng. Lưng lo giữa lòng giếng
chàng thoáng thấy ánh sáng một
vài ngôi sao...

Tông hiểu ngay: đây chỉ là
một cái phòng, thành dưng vách
vải và cao lắm. Dưới lòng phòng
lại cắm chông nữa, vì người ta
đạo để đánh bắt thú rừng.

Sự vui sướng trong lòng chàng
thốt như một mớ than bị rơi
nước lạnh.

Chàng tưởng cánh cửa mở ra
rừng.

At ngơ nó mở ra một cái bày
áo thú!

Chàng ra được đây rồi, Chàng
làm thế nào mà lên mặt đất được.

—Chết chết!

Tông thở dài và chộp miệng
thanh câu ấy vừa xong thì một
cái gì bỗng khiến chàng lắng tai
nghe và tìm chàng như ngừng
lại.

Ừ, một cái gì như một đàn
ngựa dương phi nước lớn...

Tiếng động làm rung chuyển
cả mặt đất.

Và, mỗi lúc một gần mãi lại.
Không phải tiếng châu ngựa!
Không... Một cái gì khác kia!
Một cái gì như một con voi lồng.
Đất chuyển mạnh lắm. Và đã
gần lắm!

Trời, lại cái gì nữa thế!

Rõ ràng là tiếng hồ gầm!

Lòng đoán: chắc con hồ đuổi
một con gì... Và, coi khéo nhé,
cả hai ông ấy cùng lộn cò xuống
đáy thì mình thực chết.

Tiếp theo nhói phỏng đoán
của chàng tuổi trẻ, một vật gì
bồng từ trên cao gieo mình
xuống như cả một tảng đá, theo
liền ngay một vật thứ hai nữa.

Chàng hoảng kinh: cả hai con
vật cùng xuống hồ!

Anh chàng chợt lóe sáng.

Tông nhanh mắt nhìn thì nhận
rõ ràng một con hồ cái lớn và
một con trâu.

Con hồ gầm lên giờ tay tát.
Con trâu cũng không kém. Nó
thở hồng hộc như hổ rồ. Nó giờ
sừng ra cự địch.

Hai bên quần nhau trong lòng
cái hồ và bên nào cũng đã rình
chông cá.

Sau cùng, con trâu thắng thế.
Nó làm thế nào mà húc trúng
ngực con hồ rồi để ép con này
vào thành đất.

Con hồ cố rầy rụa để tháo
thân.

Con trâu cũng ra sức đè con
hồ vào thành đất.

Con hồ dần dần đuối sức vì
bị ép vào thế bất lợi. Những tiếng
gào thét thưa dần, yếu dần rồi
sau chỉ còn là những hơi thở
độc.

Thoảng cái, một ý nghĩ lóe ra
trong óc Tông.



Chàng nhanh như chớp nhảy
phải lên lưng con trâu.

Một bước dài nữa lên đến con
hồ hãi-hối.

Thoát nạn.

Tông cảm cô chạy, cũng không
kip biết là phương hướng nào
nữa.

Hai con vật đánh nhau vang
động cả một khu rừng.

Bọn cướp bắt kéo nhau ra
xem.

Chàng mà không chạy nhanh
thì không còn mong gì thoát
chết được.

Nghĩ thế, Tông cứ cầm đầu
chạy miết. Quanh mình chàng

Thợ khéo, cần thận, sạch sẽ,
lịch sự là những đặc điểm của:

Hiệu hớt tóc và nhà Tắm
PHẠM-NGỌC-PHÚC
N° 3 Rue Richaudeau - Hanoi
(Góc phố hàng bông và phố đoan)

cây cối, lau sậy, giả rợ soạn
suýt như hươu nhàn nhàn cần
chàng, khiến Tông nhiều phen
ngã chúi, ngã rui.

Chàng khỏe lắm. Điều ấy ai
cũng đã biết. Chàng lại quen sự
tập luyện thân thể nữa.

Vậy mà lúc này Tông cũng
mệt đến đứt hơi...

Khấp người chàng, bỏ hơi ra
như tắm, làm cho áo quần chàng
bám sát lấy da thịt.

Nhưng Tông vẫn ra sức chạy.
Chàng chỉ cần độc một ý nghĩ:
mau mau xa nơi nguy hiểm.

Máy làm sao, chàng tới được
một lối thoát.

Nhờ ánh trăng, Tông nhận ra
đấy là một lối đi bỏ vắng.

Nhưng dù thế nữa, cũng còn
hòn. Sự may mắn này làm cho
Tông lại xung sức. Chàng chạy
miết một thời nữa.

Một con suối chắn ngang
đường.

Tông xuống suối, lấy tay vục
nước lên rửa mặt.

Đã lâu lắm, chàng mới được
rửa mặt lòng co cảm tưởng như
được lột da hoặc được trẻ lại.
Chàng còn muốn tắm một cái
nữa, nhưng mà sự cấp bách sau
lưng khiến chàng hoảng hốt
không dám đứng lâu.

Chàng chạy đến bờ mờ sáng,
ngồi dựa lưng lại quãng
dương kê đá khá dài. Bây giờ,
nếu vì thử bọn cướp có theo
cùng vì lát theo kịp. Chàng hãy
nghĩ ngợi lát đã, vì nhớ sẽ phải
đứng đến sức khỏe biết đâu.
Tông nghĩ vậy liền tìm một cây
to khuaht nẻo và treo lên đây
ngồi tạm một lúc. Bây giờ, Tông
mới thấy mới rời ra cả các bắp
thịt. Nhưng dù thế nào chàng
nữa, chàng cũng còn vui vô
cùng. Bầu trời cao, mây bay, là
động, ánh nắng nhảy múa trên
mặt đất, tiếng chim kêu, tất cả
cuộc đời tự do tung bừng khiến
chàng nhớ đến những giờ ngồi
trong hầm giam với một sự tuyệt
vọng ghê gớm.

Những tiếng nói chuyện vang
vực khiến Tông lắng tai. Chàng
núp vào thân cây, nhìn xuống
con đường đất và sau cùng thấy
một đám người ngựa đi tới.

Tông buột miệng kêu khê:

«A Âm Vĩnh!»

(Con nữa)
LAN-KHAI

Vì một lời nghiêm trọng
bài nói về ty Do-thám
Chính-trị Gestapo
không thể đăng tiếp
được. Vậy có lời xin
lỗi độc-giả.

T.B.C.N.